

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



LY TU TRONG
COLLEGE

TÀI LIỆU HỌC TẬP
MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
(HỆ CAO ĐẲNG)

HỌ VÀ TÊN:.....

LỚP:.....

LƯU HÀNH NỘI BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2023

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục chính trị là bộ phận của khoa học chính trị, của công tác tư tưởng, có nội dung chủ yếu là giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của đất nước.

Căn cứ vào Thông tư số: 24/2018/TT-BLĐTBXH về Ban hành chương trình môn học giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, ngày 06 tháng 12 năm 2018.

Chương trình đào tạo của môn học gồm 9 bài, chưa bao gồm bài mở đầu, với thời lượng 75 tiết, tương đương 5 tín chỉ. Nội dung bài học cung cấp cho người học cái nhìn đầy đủ và toàn diện về những được nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; sự ra đời của Đảng và những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; những nội dung chủ yếu về quan điểm, giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và con người ở nước ta; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nhằm cung cấp tài liệu giảng dạy, học tập cho giảng viên, sinh viên hệ cao đẳng theo chương trình mới. Tài liệu được biên soạn, hoàn thiện với sự nỗ lực và tâm huyết của đội ngũ Giảng viên của tổ Giáo dục Chính trị thuộc Khoa Lý luận Chính trị. Tài liệu sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung về nội dung và hình thức để ngày càng hoàn chỉnh và đáp ứng được yêu cầu đổi mới hiện nay. Vì vậy, rất mong sự đóng góp của tất cả Thầy, Cô và người học để tài liệu ngày càng được hoàn thiện hơn nữa.

Tài liệu được phục vụ và lưu hành nội bộ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM.

Trân trọng!

MỤC LỤC

STT	TÊN BÀI	TỔNG SỐ TIẾT	TRANG
1	Bài mở đầu	2	4
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	6
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	21
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	33
5	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	43
6	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	52
7	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	64
8	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	72
9	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	82
10	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	89
11	Tài liệu tham khảo		93

BÀI MỞ ĐẦU

1. Vị trí, tính chất môn học

Môn Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc các môn học chung trong chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu của môn học: Sau khi học xong, người học đạt được:

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Nội dung chính

Nội dung môn học Giáo dục chính trị là nghiên cứu sự hình thành và những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; con đường và phương pháp để thực hiện các nội dung đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản để giáo dục sinh viên trở thành người công dân tốt, người lao động tốt cho xã hội.

Giáo dục chính trị là môn học bao gồm nội dung cơ bản nhất của: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Phương pháp chủ yếu để giảng dạy và học tập môn học giáo dục chính trị là: phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp logic - lịch sử, phân tích và tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa, thuyết trình, phỏng vấn, hỏi đáp, nêu ý kiến....

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tính tích cực của người học. Tăng cường hoạt động sáng tạo của người học, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích thực tiễn, thảo luận và trao đổi với nhau các tri thức cần thiết qua quá trình học tập; việc học tập cần liên hệ với định hướng nghề nghiệp tương lai và thực tiễn cuộc sống của người học.

Kết hợp giảng dạy học môn giáo dục chính trị với học tập Nghị Quyết của Đảng, phổ biến pháp luật của Nhà nước, thực hiện các phong trào thi đua của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, của địa phương và các hoạt động của ngành chủ quản, gắn lý luận với thực tiễn để định hướng nhận thức và rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho người học nghề.

Trong quá trình học tập môn giáo dục chính trị, có thể tổ chức cho học sinh, sinh viên thảo luận, xem băng hình, phim tư liệu lịch sử, chuyên đề thời sự hoặc tổ chức đi tham quan bảo tàng, nghiên cứu các điển hình sản xuất công nghiệp, các di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương.

Môn học góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho người học. Cụ thể, góp phần mài sắc tư duy, cung cấp tri thức khoa học, kinh nghiệm cuộc sống...để hình thành thế giới quan khoa học. Điều chỉnh hành vi của người học đối với môi trường xung quanh, định hướng cho nhận thức đúng đắn....nhằm mục đích xây dựng xã hội tiến bộ, văn minh. Muốn hình thành nhận thức thế giới khoa học, người học cần có phương pháp luận đúng đắn, khách quan. Phải xem xét các sự vật trong mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, trong trạng thái vận động biến đổi không ngừng với tư duy linh hoạt và đó chính là phương pháp luận biện chứng.

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Trình bày khái quát được quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin qua các giai đoạn; phân tích được các nội dung trọng tâm của chủ nghĩa Mác-Lênin; đánh giá được vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

- Về kỹ năng:

Có nhận thức đúng đắn, vận dụng được những kiến thức đã học về chủ nghĩa Mác-Lênin để giải quyết những vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức tích cực, sáng tạo, chủ động trong học tập và giải quyết các vấn đề của cuộc sống; xây dựng thái độ học tập khoa học, đúng đắn, có bản lĩnh vững vàng và niềm tin vào con đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. KHÁI NIỆM CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1.1. Khái niệm và nguồn gốc hình thành

1.1.1. Khái niệm

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết khoa học do C.Mác, Ph.Ăngghen sáng lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX, được V.I.Lênin bổ sung, phát triển đầu thế kỷ XX. *Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận được cấu thành từ ba bộ phận cơ bản đó là: triết học Mác-Lênin, kinh tế chính trị học Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

1.1.2. Các nguồn gốc hình thành chủ nghĩa Mác-Lênin

Về kinh tế - xã hội: Giữa thế kỷ XIX, nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh ở nhiều nước Tây Âu dẫn đến sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của giai cấp công nhân. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, đã xuất hiện hai giai cấp cơ bản, đối lập nhau về lợi ích là giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ngày càng lan rộng, phát triển từ tự phát đến tự giác, từ đấu tranh kinh tế tới đấu tranh chính trị. Hàng loạt cuộc đấu tranh tự phát, quy mô lớn của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra nhưng đều thất bại. Yêu cầu khách quan cần có học thuyết khoa học và cách mạng dẫn đường để đưa phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi.

Về tư tưởng lý luận: Chủ nghĩa Mác - Lênin kế thừa những tư tưởng lý luận của triết học cổ điển Đức mà tiêu biểu là Can-tơ, Hê-ghe, Phoi-ơ-bắc; kinh tế chính trị học cổ điển

ở Anh mà tiêu biểu là A-đam Xmit, Đa-vit Ri-các-đô; và chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán ở Pháp mà tiêu biểu là Xanh Xi-mông, Phu-riê; Ô-oen...

Về khoa học: Chủ nghĩa Mác - Lênin kế thừa những phát minh về khoa học tự nhiên như thuyết tiến hóa của Đác-uyn (1859), thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của Lô-mô-nô-xốp (1845); thuyết tế bào của các nhà khoa học Đức (1882). Các học thuyết này là cơ sở củng cố chủ nghĩa duy vật biện chứng - cơ sở phương pháp luận của học thuyết Mác.

- *Vai trò nhân tố chủ quan*

C.Mác (1818-1883), Ph.Ăngghen (1820-1895) là những thiên tài trên nhiều lĩnh vực tự nhiên, chính trị, văn hoá-xã hội... Hai ông đã đi sâu nghiên cứu xã hội tư bản chủ nghĩa; kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề tư tưởng lý luận, khoa học, phát hiện ra sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Các giai đoạn phát triển

- *Giai đoạn hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác (1848-1895)*

Các Mác và Ph.Ăngghen bắt đầu gặp nhau từ năm 1844, sớm thống nhất về tư tưởng chính trị, cùng nhau nghiên cứu, phát hiện ra sức mạnh to lớn của giai cấp công nhân và từ đó chuyển biến sang lập trường dân chủ cách mạng.

Tháng 2-1848, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được công bố ở Luân Đôn, đánh dấu mở đầu sự ra đời chủ nghĩa Mác. Hai ông đã viết nhiều tác phẩm, điển hình là bộ sách *Tư bản*, xây dựng nên học thuyết khoa học với ba bộ phận lớn gồm triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Các Mác và Ph.Ăngghen sáng lập và là lãnh tụ của Quốc tế I (1863-1876), đặt nền tảng cho sự ra đời phong trào công nhân quốc tế. Sau khi C.Mác qua đời (1883), Ph.Ăngghen thành lập Quốc tế II vào năm 1889.

Sự ra đời của chủ nghĩa Mác đáp ứng yêu cầu khách quan của phong trào công nhân; là kết quả tất yếu của sự kế thừa, phát triển của trí tuệ nhân loại, đã đưa phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác ở nhiều nước tư bản.

- *Giai đoạn V.I.Lênin phát triển và bảo vệ chủ nghĩa Mác (1895-1924)*

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin (1870-1924) đã đấu tranh kiên quyết, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Người đã lãnh đạo thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước này. Sau khi V.I.Lênin mất, Quốc tế Cộng sản đã bổ sung, gọi chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa Mác-Lênin và khẳng định đây là hệ thống lý luận thống nhất, vũ khí lý luận của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đấu tranh giành chính quyền và tiến hành xây dựng xã hội mới xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.

- *Giai đoạn Chủ nghĩa Mác-Lênin từ năm 1924 đến nay*

Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, hệ thống xã hội chủ nghĩa bị khủng hoảng và rơi vào giai đoạn thoái trào. Nhưng ngay cả khi hệ thống xã hội chủ nghĩa bị khủng hoảng và rơi vào giai đoạn thoái trào thì hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn tồn tại trên phạm vi quốc tế; quyết tâm xây dựng thành

công chủ nghĩa xã hội vẫn được khẳng định ở nhiều quốc gia và chiều hướng đi theo con đường xã hội chủ nghĩa vẫn lan rộng ở các nước.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết mở, không ngừng bổ sung và phát triển cùng với sự phát triển của tri thức nhân loại, là nền tảng tư tưởng của các Đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới, không ngừng được bổ sung, phát triển trong tiến trình cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc trên thế giới.

2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

2.1. Triết học Mác-Lênin

Triết học Mác-Lênin là khoa học nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

- Phạm trù vật chất:

Lênin định nghĩa: “*Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác*”¹.

Vật chất tồn tại khách quan thông qua các sự vật cụ thể, tác động vào giác quan, gây ra cảm giác của con người. Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức chỉ là sự phản ánh một phần thế giới vật chất vào đầu óc con người.

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất nên vận động và vật chất không tách rời nhau. Vận động theo nghĩa chung nhất là mọi sự biến đổi nói chung.

Vận động có 5 hình thức cơ bản là vận động cơ học, lý học, hoá học, sinh học và vận động xã hội. Vận động là tuyệt đối, là phương thức tồn tại của vật chất. Đứng im là tương đối, có tính chất cá biệt, chỉ xảy ra trong một quan hệ nhất định.

Không gian, thời gian là thuộc tính tồn tại khách quan và vô tận của vật chất. Quan điểm này đòi hỏi xem xét sự vật, hiện tượng trong không gian, thời gian nhất định, trong bối cảnh lịch sử cụ thể và dự báo sự vận động của nó trong tương lai.

- **Ý thức:** Bản chất của ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào óc người một cách năng động, sáng tạo; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

Vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng, trong đó vật chất quyết định nguồn gốc, nội dung, bản chất và sự vận động của ý thức. Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động tích cực trở lại vật chất. Sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Quan điểm này đòi hỏi phải tôn trọng thực tiễn khách quan kết hợp với phát huy tính năng động chủ quan của con người để cải biến hiện thực. Con người cần rèn luyện trong thực tiễn lao động và cuộc sống, phát huy tác động tích cực của ý thức, không trông chờ, ỷ lại, bảo thủ, trì trệ và thiếu tính sáng tạo.

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.18. Nxb Tiên bộ. Mátxcơva. 1980. tr. 151

- **Phép biện chứng duy vật** là lý luận khoa học bao gồm hai nguyên lý cơ bản; sáu cặp phạm trù và ba quy luật cơ bản².

Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

+ *Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến*

Mối liên hệ là phạm trù triết học dùng để chỉ sự quy định, sự tác động qua lại, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một sự vật, của một hiện tượng trong thế giới

Nguyên lý này khẳng định thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng nhưng chúng tồn tại trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với nhau.

Ý nghĩa của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến: Cần phải có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể để xem xét các mối liên hệ bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng; cần tránh cách nhìn phiến diện, một chiều, chung chung trong việc nhận thức, giải quyết mọi vấn đề trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

+ *Nguyên lý về sự phát triển*

Phát triển là quá trình vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng.

Phát triển là khuynh hướng chung của thế giới và có tính phổ biến, được thể hiện trên mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

Ý nghĩa của nguyên lý về sự phát triển: Cần phải nhận thức sự vật, hiện tượng theo xu hướng phát triển, tránh được cách nhìn phiến diện với tư tưởng định kiến, bảo thủ.

Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

Quy luật là những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, bên trong, có tính phổ biến và được lặp đi lặp lại giữa các mặt, các yếu tố trong cùng một sự vật, hiện tượng, hay giữa các sự vật hiện tượng.

Phép biện chứng duy vật có 3 quy luật cơ bản:

+ *Quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại*

Quy luật này chỉ ra *cách thức* vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Chất là các thuộc tính khách quan, vốn có của các sự vật, hiện tượng. *Lượng* là chỉ các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại và nhịp điệu biến đổi của chúng. Chất và lượng của mỗi sự vật, hiện tượng tồn tại quy định lẫn nhau.

Sự thống nhất giữa lượng và chất, được thể hiện trong giới hạn nhất định gọi là độ. Độ là giới hạn mà ở đó đã có sự biến đổi về lượng nhưng chưa có sự thay đổi về chất; sự vật khi đó còn là nó, chưa là cái khác. Đến điểm nút, qua bước nhảy bắt đầu có sự thay đổi về chất, thành sự vật khác.

²Trong chương trình cao đẳng, không giới thiệu 6 cặp phạm trù: cái chung và cái riêng, bản chất và hiện tượng, tất nhiên và ngẫu nhiên, nội dung và hình thức, nguyên nhân và kết quả, khả năng và hiện thực.

Chất là mặt tương đối ổn định, lượng là mặt thường xuyên biến đổi. Lượng biến đổi sẽ dẫn đến mâu thuẫn, phá vỡ chất cũ, chất mới ra đời với lượng mới. Lượng mới lại tiếp tục biến đổi đến giới hạn nào đó lại phá vỡ chất cũ thông qua bước nhảy. Quá trình cứ thế tiếp diễn, tạo nên cách thức vận động phát triển thống nhất giữa tính liên tục và tính đứt đoạn của sự vật.

Ý nghĩa của quy luật: Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, con người phải tích cực chuẩn bị kỹ mọi điều kiện chủ quan, tích lũy đủ về lượng để có sự biến đổi về chất. Đề phòng bệnh chủ quan, duy ý chí, muốn các bước nhảy liên tục. Mặt khác, cũng cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, ngại khó, lo sợ. Khi có thời cơ chín muồi thì kiên quyết tổ chức thực hiện bước nhảy để giành thắng lợi.

+ *Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*

Quy luật này vạch ra *nguồn gốc, động lực* của sự phát triển và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật.

Mặt đối lập là những mặt có tính chất trái ngược nhau nhưng chúng tồn tại trong sự quy định lẫn nhau.

Sự vật, hiện tượng nào cũng là thể thống nhất của các mặt đối lập. Từ mặt đối lập mà hình thành mâu thuẫn biện chứng - là mâu thuẫn bao hàm sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

Các mặt đối lập trong mỗi sự vật vừa thống nhất lại vừa đấu tranh tác động, bài trừ phủ định nhau. Sự đấu tranh đó đưa đến sự chuyển hoá làm thay đổi mỗi mặt đối lập hoặc cả hai mặt đối lập, chuyển lên trình độ cao hơn hoặc cả hai mặt đối lập cũ mất đi, hình thành hai mặt đối lập mới. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc và động lực cơ bản của mọi sự vận động và phát triển.

Sự thống nhất các mặt đối lập là tương đối; đấu tranh là tuyệt đối.

Ý nghĩa của quy luật: Muốn nhận thức được nguồn gốc và bản chất của mọi sự vận động, phát triển thì cần phải nghiên cứu, phát hiện và sử dụng được sự thống nhất và đấu tranh của chúng. Trong nhận thức và thực tiễn phải phát hiện được những mâu thuẫn của sự vật hiện tượng, biết phân loại mâu thuẫn, có các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn thích hợp. Phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết mâu thuẫn.

+ *Quy luật phủ định của phủ định*

Quy luật này vạch ra *khuyên hướng* vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.

Thế giới vật chất tồn tại, vận động phát triển không ngừng. Sự vật, hiện tượng nào đó xuất hiện, mất đi, thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác, sự thay thế đó gọi là phủ định.

Pủ định biện chứng là sự tự phủ định do mâu thuẫn bên trong, vốn có của sự vật; là phủ định gắn liền với sự vận động phát triển.

Pủ định biện chứng khiến cho sự vật vận động có tính chu kỳ. Tính chu kỳ của sự phát triển là từ một điểm xuất phát, trải qua một số lần phủ định, sự vật dường như quay trở lại điểm xuất phát trên cơ sở cao hơn. Phủ định biện chứng là phủ định có sự kế thừa yếu tố tích cực của sự vật cũ và được cải biến đi cho phù hợp với cái mới.

Phép biện chứng duy vật khẳng định vận động phát triển đi lên, là xu hướng chung của thế giới, nhưng không diễn ra theo đường thẳng, mà diễn ra theo đường *xoáy ốc* quanh co phức tạp.

Ý nghĩa của quy luật: Khi xem xét sự vận động phát triển của sự vật, phải xem xét nó trong quan hệ cái mới ra đời từ cái cũ, cái tiến bộ ra đời từ cái lạc hậu, con người phải tôn trọng tính khách quan, chống phủ định sạch trơn, hoặc kế thừa không có chọn lọc. Mỗi người cần bênh vực, ủng hộ cái mới, tin tưởng vào cái mới tiến bộ. Khi có những bước thoái trào cần xem xét kỹ lưỡng, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục để từ đó có niềm tin tưởng vào thắng lợi.

- Lý luận nhận thức

+ *Nhận thức* là một hoạt động của con người, là quá trình phản ánh chủ động, tích cực, sáng tạo thế giới khách quan vào trong đầu óc người. Hoạt động đó được thực hiện thông qua thực tiễn, lấy thực tiễn làm cơ sở, là mục đích, động lực và là tiêu chuẩn xác định tính đúng đắn của nhận thức.

Nhận thức của con người là quá trình biện chứng từ trực quan sinh động (nhận thức cảm tính) đến tư duy trừu tượng (nhận thức lý tính) và đến thực tiễn.

Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là hai giai đoạn của quá trình nhận thức có liên hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau.

Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn, là con đường biện chứng vô tận, liên tục của sự nhận thức thế giới khách quan.

+ Thực tiễn và vai trò của nó đối với nhận thức

Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất, cảm tính, có tính chất lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan để phục vụ nhu cầu của con người.

Thực tiễn là cơ sở, nguồn gốc của nhận thức vì nó cung cấp những tài liệu hiện thực, khách quan, làm cơ sở để con người nhận thức. Thực tiễn thường xuyên vận động, phát triển nên nó luôn luôn đặt ra những nhu cầu, nhiệm vụ, phương hướng mới cho nhận thức, do đó thực tiễn là động lực và mục đích của nhận thức. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý vì nó là hiện thực khách quan chứng minh tính đúng, sai về nhận thức của con người.

Quan điểm nêu trên cho ta kết luận phải đảm bảo sự thống nhất lý luận và thực tiễn, nhận thức xuất phát từ thực tiễn. Mỗi người thường xuyên có ý thức tự kiểm tra nhận thức của mình thông qua thực tiễn đồng thời phải chống mọi biểu hiện của bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác, nhằm vạch rõ những quy luật cơ bản của sự vận động xã hội; vạch ra phương pháp duy nhất khoa học để giải thích lịch sử.

- Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Theo quan điểm duy vật lịch sử, con người sáng tạo ra lịch sử và là chủ thể của lịch sử. Con người sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần và sản xuất ra chính con người. Ở mỗi

giai đoạn lịch sử con người tiến hành sản xuất theo cách thức nhất định đó là phương thức sản xuất.

Phương thức sản xuất là cách thức tiến hành sản xuất vật chất trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Mỗi phương thức sản xuất gồm hai mặt cấu thành là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, là trình độ chinh phục tự nhiên của con người. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động. Tư liệu sản xuất gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, trong đó công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn đổi mới theo tiến trình phát triển khách quan của sản xuất vật chất.

Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất. Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất; quan hệ trong tổ chức, quản lý và phân công lao động; quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động.

Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất là nội dung vật chất, quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của phương thức sản xuất. Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ phát triển thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất phát triển, thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo.

Khi lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nào đó mà quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, nó sẽ mâu thuẫn và cản trở lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ mới, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Quan hệ sản xuất là phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất khi nó tạo ra những tiền đề, những điều kiện cho các yếu tố của lực lượng sản xuất để đưa sản xuất phát triển. Sự phù hợp đó không phải chỉ thực hiện một lần là xong mà diễn ra cả một quá trình liên tục. Mỗi khi sự phù hợp quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bị phá vỡ là mỗi lần điều chỉnh, thay bằng sự phù hợp khác ở mức cao hơn.

Ý nghĩa của quy luật:

Trong thực tiễn, muốn phát triển kinh tế phải bắt đầu từ lực lượng sản xuất, trước hết là phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động. Muốn xoá bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới phải căn cứ vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- *Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng*

Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, bao gồm quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư và quan hệ sản xuất mầm mống của xã hội tương lai. Trong đó quan hệ sản xuất thống trị giữ vai trò chủ đạo và chi phối các quan hệ sản xuất khác.

Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học... và những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng..., được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó.

Cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng được xây dựng tương ứng. Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới biến đổi kiến trúc thượng tầng.

Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Kiến trúc thượng tầng là tiên tiến khi nó bảo vệ cơ sở hạ tầng tiên bộ và tác động thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Kiến trúc thượng tầng bảo thủ, lạc hậu sẽ tác động kìm hãm nhất thời sự phát triển cơ sở hạ tầng. Trong các bộ phận của kiến trúc thượng tầng, nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu lực mạnh nhất vì nhà nước là công cụ quản lý hiệu quả của giai cấp thống trị đối với xã hội.

Ý nghĩa của quy luật:

Quy luật này là cơ sở khoa học cho việc nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Kinh tế và chính trị có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó kinh tế quyết định chính trị, chính trị tác động trở lại đối với kinh tế.

- *Cách mạng xã hội* là bước nhảy vọt về chất trong sự phát triển xã hội, là sự thay thế hình thái kinh tế-xã hội này bằng hình thái kinh tế-xã hội khác, tiến bộ hơn. Trong cách mạng xã hội, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản. Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển xã hội,... là lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử xã hội.

2.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Kinh tế chính trị học Mác-Lênin là khoa học nghiên cứu các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi mà các quan hệ này được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.

2.2.1. Học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư

- *Học thuyết giá trị* là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C. Mác. Bằng việc phân tích hàng hoá, C.Mác đã vạch ra quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ trao đổi hàng hoá, đó chính là lao động, cơ sở của giá trị hàng hoá.

Hàng hoá là sản phẩm của lao động, dùng để thoả mãn nhu cầu của con người thông qua trao đổi mua bán.

Hàng hoá có hai thuộc tính cơ bản là giá trị sử dụng và giá trị.

Giá trị sử dụng của hàng hoá là công dụng của hàng hoá để thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.

Giá trị của hàng hoá là lượng lao động xã hội được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá. Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình so với điều kiện xã hội nhất định.

Tiền về bản chất là một hàng hoá đặc biệt, là vật ngang giá chung, thước đo giá trị trong trao đổi hàng hoá; là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá.

Giá trị của hàng hóa biểu hiện ra bên ngoài dưới hình thức tiền là giá cả của hàng hóa. Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, phụ thuộc vào giá trị. Hàng hóa nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại. Tuy nhiên ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như sức cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng...

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Ở đâu có sản xuất hàng hóa thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị.

- *Học thuyết giá trị thặng dư* là “hòn đá tảng” trong toàn bộ học thuyết kinh tế của C.Mác. Học thuyết chỉ ra bản chất bóc lột của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng như nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư là từ hàng hóa sức lao động.

Sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực tồn tại trong cơ thể con người, nó được vận dụng vào quá trình lao động sản xuất.

Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

Thứ nhất, người lao động được tự do về thân thể.

Thứ hai, người lao động không có tư liệu sản xuất và phải bán sức lao động của mình, trở thành những người làm thuê.

Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động:

+ *Giá trị hàng hóa sức lao động*: là thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động, giá trị này được tính bằng toàn bộ những giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khỏe của người lao động ở trạng thái bình thường; chi phí đào tạo của người lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho người thân con cái của công nhân.

+ *Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động*: thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra hàng hóa. Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

Như vậy, *giá trị thặng dư* là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

Để sản xuất ra giá trị thặng dư, nhà tư bản thường sử dụng hai phương pháp, đó là: phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

Sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối, là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Học thuyết giá trị thặng dư đã vạch rõ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản

Dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, học thuyết giá trị thặng dư vẫn có giá trị. Nó trang bị nhận thức cho giai cấp công nhân và các chủ doanh nghiệp về nguồn gốc của giá trị thặng dư, từ đó cần quan tâm ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, quan tâm nguồn nhân lực chất lượng cao, không ngừng cải tiến kỹ thuật,

nâng cao năng suất lao động... để tạo ra nhiều giá trị thặng dư, vừa để nâng cao thu nhập của mình, vừa mang lại lợi ích, xây dựng cơ sở vật chất nhiều hơn cho xã hội.

2.2.2. Về chủ nghĩa tư bản độc quyền

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền. Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản độc quyền, V.I.Lênin đã đưa ra lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền với 5 đặc điểm kinh tế cơ bản:

Một là, sự tích tụ, tập trung sản xuất và tập trung tư bản với quy mô lớn với sự liên minh giữa các nhà tư bản để nắm trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một hàng hoá nhằm thu lợi nhuận cao - đó là các tổ chức độc quyền.

Hai là, sự tích tụ và tập trung tư bản ngân hàng ra đời các tổ chức độc quyền ngân hàng. Tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng hợp tác hình thành tập đoàn tư bản tài chính, có tiềm lực vốn và lực lượng sản xuất đủ mạnh, thao túng đời sống kinh tế - chính trị ở các nước.

Ba là, xuất khẩu tư bản là thủ đoạn để các nhà tư bản tài chính tiến hành khai thác sức lao động, tài nguyên thiên nhiên,... ở các nước chậm phát triển dưới hình thức đầu tư xây dựng nhà máy, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất hoặc cho vay.

Bốn là, sự phân chia thị trường thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền. Đó là liên minh giữa các tổ chức độc quyền lớn của các nước để phân chia thị trường thế giới, độc chiếm nguồn nguyên liệu, quy định quy mô sản xuất, định ra giá cả độc quyền nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

Năm là, sự phân chia thế giới về lãnh thổ, thực chất là phân chia thế giới về kinh tế giữa các cường quốc tư bản. Biểu hiện ở việc các nước đế quốc xâm chiếm thuộc địa, độc chiếm nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ hàng hoá và thiết lập căn cứ quân sự khống chế các nước khác.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận chủ nghĩa tư bản độc quyền vẫn có giá trị. Việc tập trung sản xuất và tập trung vốn với quy mô lớn thành lập các tập đoàn sản xuất có tính chất quốc gia, giúp cho việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, nhất là khoa học quản lý, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, cạnh tranh doanh nghiệp và cạnh tranh quốc gia, để tăng trưởng kinh tế nâng cao tổng sản phẩm thu nhập quốc dân, tạo cơ sở xây dựng cơ sở vật chất, rút ngắn nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế so với các nước trên thế giới.

2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm thực hiện sự chuyển hóa từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

2.3.1. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Định nghĩa giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng lao động cơ bản trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại ngày nay.

- Đặc điểm của giai cấp công nhân

Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

Giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

Nền sản xuất đại công nghiệp và phương thức sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

- Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là cộng sản chủ nghĩa.

Về kinh tế, giai cấp công nhân là người đại diện phương thức sản xuất tiên bộ nhất. Giai cấp công nhân là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao và quan hệ sản xuất mới phù hợp dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Về chính trị, do có tinh thần cách mạng triệt để, lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với lợi ích của đa số quần chúng lao động nên họ có điều kiện khách quan đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo và đoàn kết các giai cấp, tầng lớp khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, tổ chức xây dựng chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Về văn hóa, tư tưởng, giai cấp công nhân tiến hành cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng, cải tạo những tư tưởng, tàn dư của xã hội cũ, xây dựng hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, xây dựng nền văn hóa mới trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

- Tất yếu hình thành chính đảng của giai cấp công nhân

Ngay từ khi mới ra đời, giai cấp công nhân đã phải đấu tranh với giai cấp tư sản để bảo vệ quyền lợi của mình. Sự thất bại của phong trào công nhân tự phát giữa thế kỷ XIX khách quan đòi hỏi có lý luận khoa học dẫn đường và đảng chính trị tiên phong lãnh đạo. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân tất yếu ra đời chính đảng của giai cấp công nhân. Đó là quy luật chung ra đời Đảng Cộng sản-chính đảng của giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển.

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng có tổ chức chặt chẽ, bao gồm những người tiên tiến về mặt nhận thức và gương mẫu về mặt hành động trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng Cộng sản được xây dựng

vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; có lý luận tiên phong là chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Đảng Cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân tự giác nhận thức rõ mục tiêu, con đường, biện pháp đấu tranh cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình là lãnh đạo toàn xã hội đấu tranh xoá bỏ chế độ xã hội cũ, xây dựng chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

Định nghĩa giai cấp công nhân Việt Nam: “*Là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp*”³.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và vai trò nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam.

2.3.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng chính trị do giai cấp công nhân lãnh đạo giành chính quyền, thiết lập hệ thống chính trị của mình để cải tạo xã hội cũ, xây dựng chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa là khối đoàn kết, liên minh công nông, trí thức và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trên lĩnh vực chính trị, Đảng Cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân và các lực lượng nhân dân lao động đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập quyền lực chính trị về tay mình, xây dựng kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực kinh tế, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội; xây dựng quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng và phát huy quyền làm chủ của người lao động đối với tư liệu sản xuất; cải thiện đời sống nhân dân.

Trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa, là tiến hành giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa; phát triển giáo

³ Đảng CSVN: *Văn kiện Hội nghị BCH TƯ Đảng lần thứ 6, khoá X*, Nxb CTQG. HN, 2009. tr. 287

đục-đào tạo, khoa học công nghệ, văn học nghệ thuật, thông tin và truyền thông, các thiết chế văn hoá xã hội chủ nghĩa; phát huy giá trị truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

2.3.3. Sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao; giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa, giai đoạn cao là cộng sản chủ nghĩa.

- Về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ để cải biến toàn diện và triệt để trên tất cả các lĩnh vực về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Về chính trị: Cần xây dựng, củng cố nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng cộng sản vững mạnh đủ sức lãnh đạo toàn xã hội đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và mọi âm mưu, hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

Về kinh tế: Trong thời kỳ quá độ cần thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích và tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi.

Cần đẩy mạnh công nghiệp hoá; phát triển mạnh mẽ khoa học kỹ thuật để từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội với những bước đi hình thức thích hợp.

Về tư tưởng văn hoá: Trong thời kỳ quá độ bên cạnh hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin đang xây dựng, còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, phong kiến, tiểu nông và các luồng tư tưởng du nhập từ bên ngoài. Vì vậy cần có đẩy mạnh hoạt động đấu tranh tư tưởng, khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, kế thừa tinh hoa văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc giá trị văn hoá nhân loại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Về xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa

Xã hội xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là: Có cơ sở vật chất-kỹ thuật là nền công nghiệp phát triển ở trình độ hiện đại với năng suất lao động cao hơn hẳn xã hội tư bản. Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới nhiều hình thức; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện, bình đẳng. Có nhiều hình thức phân phối, trong đó thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng. Có nền văn hóa mới tiên tiến, phong phú, đa dạng; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, có điều kiện phát triển toàn diện. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng cùng phát triển. Xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Có quan hệ quốc tế rộng rãi theo chủ nghĩa quốc tế vô sản.

- *Xã hội cộng sản chủ nghĩa* là xã hội có những đặc trưng cơ bản sau: Lực lượng sản xuất với khoa học kỹ thuật phát triển rất cao, của cải xã hội làm ra rất dồi dào, mọi người “*làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*”. Con người phát triển tự do và toàn diện năng lực của mình. Lao động trở thành nhu cầu của con người ngày càng được giảm nhẹ. Xã hội ngày càng phát triển ở trình độ văn minh; không còn sự khác nhau giữa các giai cấp, các tầng lớp; không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Nhân dân làm chủ ở mức độ rất cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ dần dần mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, tự tiêu vong.

3. VAI TRÒ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

3.1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin

- *Chủ nghĩa Mác-Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ ba bộ phận cấu thành học thuyết*

Chủ nghĩa Mác-Lênin gồm ba bộ phận triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Mỗi bộ phận đóng vai trò khác nhau trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội con người.

Triết học Mác-Lênin trang bị cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức, cải tạo và phát triển thế giới. *Kinh tế chính trị học Mác-Lênin* chỉ rõ những quy luật kinh tế chủ yếu dưới chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và dưới chủ nghĩa xã hội. *Chủ nghĩa xã hội khoa học* là lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; làm rõ lực lượng xã hội to lớn để thực hiện sự nghiệp đó là giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, người lãnh đạo toàn xã hội đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết duy nhất nêu rõ mục tiêu, con đường, lực lượng, phương thức giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người*

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ lực lượng để thực hiện công cuộc giải phóng đó là nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thông qua đội tiên phong của mình là Đảng cộng sản. Phương pháp để thực hiện mục tiêu đó là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, biến cải toàn bộ xã hội cũ, từng bước xây dựng xã hội mới.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, sống động, không ngừng tự phê phán, tự đổi mới, bổ sung và phát triển trong thực tiễn cách mạng*

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết mang tính chất cách mạng, không chỉ giải thích thế giới, mà còn cải tạo và xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Học thuyết này không phải là một hệ thống các nguyên lý giáo điều, bất biến mà luôn sống động, gắn với sự phát triển của tri thức nhân loại.

Với mục tiêu cao đẹp, với bản chất khoa học và cách mạng, phương pháp năng động và linh hoạt, chủ nghĩa Mác - Lênin có sức sống bền vững. Bổ sung, phát triển hoàn thiện

chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng, từng lĩnh vực cụ thể là trách nhiệm của các Đảng Cộng sản và công nhân ở từng nước.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng, có ý nghĩa thực tiễn, không chỉ giải thích thế giới mà là cải tạo xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cung cấp thế giới quan, phương pháp luận để nhìn nhận mọi sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; nó giúp mọi người xem xét, giải thích sự vật, hiện tượng một cách khách quan, phân tích cụ thể theo tinh thần duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng với vai trò là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các đảng cộng sản trong cải tạo xã hội cũ trên các lĩnh vực, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa.

3.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng sản

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng, là cơ sở lý luận của các Đảng Cộng sản trong việc hoạch định Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo cách mạng; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là hệ tư tưởng chủ đạo trong các hoạt động tinh thần của xã hội; là định hướng chủ đạo trong tư duy mỗi người trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và trong cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với vai trò là kim chỉ nam cho hành động, các Đảng Cộng sản đều lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở thế giới quan, phương pháp luận nhìn nhận, giải thích xã hội, tìm ra con đường, lực lượng, phương pháp lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân để hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng của mình.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin giúp mỗi người hình thành thế giới quan, phương pháp khoa học để hiểu rõ mục đích, con đường, bước đi của sự nghiệp quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội; có tầm nhìn rộng, chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục chủ nghĩa giáo điều, máy móc, tư tưởng nôn nóng và các sai lầm khác.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Qua học tập những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, em thấy có những gì bổ ích cho nhận thức của mình?*
- 2. Qua học tập Kinh tế chính trị Mác-Lênin, em thấy có những gì bổ ích cho nhận thức của mình?*
- 3. Qua học tập Chủ nghĩa xã hội khoa học, em thấy có những gì bổ ích cho nhận thức của mình?*

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- **Về kiến thức:** Trình bày và phân tích được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- **Về kỹ năng:** Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học về tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân để từ đó có thể giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; có khả năng nhận diện và phản bác các luận điểm xuyên tạc về tư tưởng Hồ Chí Minh.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của bản thân; tự giác, tích cực thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tu dưỡng rèn luyện bản thân về mọi mặt để góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

1. KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Khái niệm

- *Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh lần đầu tiên được sử dụng trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) và ngày càng được xác định hoàn thiện, sâu sắc và rõ hơn. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) viết: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”⁴.*

- Định nghĩa trên đã làm rõ ba vấn đề lớn:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm lý luận toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

⁴Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

1.2. Nguồn gốc

1.2.1. Nguồn gốc thực tiễn

- Tình hình Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Năm 1884, với Hiệp ước Pa-tơ-nốt giữa Chính phủ Pháp và Vương triều Nguyễn, thực dân Pháp đã thiết lập được sự thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Từ đây nước ta trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân Việt Nam bị đàn áp, bóc lột, cuộc sống vô cùng khổ cực.

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, nhân dân Việt Nam đã đứng lên chống thực dân Pháp. Cho đến đầu thế kỷ XX, các cuộc khởi nghĩa vũ trang, các phong trào chống Pháp đã liên tục nổ ra từ Nam tới Bắc, hết sức quyết liệt nhưng tất cả đều bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu và thất bại.

Mặc dù bị thất bại nhưng sự phát triển mạnh mẽ của các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã khẳng định ý chí kiên cường, bất khuất vì độc lập, tự do của dân tộc. Tuy nhiên, nó cũng chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã không dẫn đến thành công. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo “*Vì như trong đêm tối không có đường ra*”. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cần phải có một con đường cứu nước mới cho Việt Nam.

- Tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa các nước đế quốc dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), V.I.Lênin đã lãnh đạo thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, thành lập Quốc tế Cộng sản (3-1919), trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, thúc đẩy sự truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin, ra đời hàng chục Đảng Cộng sản ở nhiều nước Châu Âu, châu Mỹ⁵; yêu cầu giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa đặt ra cấp thiết.

1.2.2. Nguồn gốc tư tưởng, lý luận

- Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình

Nguyễn Sinh Cung (tên của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh còn lúc nhỏ) sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sớm kế thừa được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc,

⁵ĐCS Mỹ thành lập năm 1919, ĐCS Tây Ban Nha, ĐCS Anh, ĐCS Ấn Độ, ĐCS Pháp thành lập năm 1920, ĐCS Italia, Tiệp Khắc, Trung Quốc, Nam Phi thành lập 1921, ĐCS Chilê, Braxin, Nhật Bản thành lập năm 1922.

quê hương và gia đình. Đó là truyền thống yêu nước, ý chí quyết tâm, tinh thần độc lập, tự chủ, lao động cần cù, sáng tạo, tinh thần hiếu học, sống nhân ái, đoàn kết, khoan dung... Quá trình học văn hóa tại trường tiểu học Đông Ba, Quốc Học Huế cùng với sự tự học, từng trải thực tiễn, Người sớm cảm nhận được sự khổ nhục của người dân mất nước, mất độc lập, bị thống trị bởi thực dân Pháp. Những năm tuổi trẻ, đầu đời (1890-1911), bằng học tập và chiêm nghiệm, Người đã sớm hình thành nên nhân cách và bản lĩnh của mình. Đó là tiền đề tư tưởng đầu tiên hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây*

Từ lúc thiếu thời, Nguyễn Tất Thành đã được cha dạy chữ Hán và tiếp thu được nền giáo dục của Nho giáo cũng như các giá trị tích cực của Nho giáo. Bên cạnh đó, Người còn tiếp thu các giá trị tích cực của Phật giáo, Lão giáo; những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc.

Những năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Người tiếp thu những tư tưởng nhân quyền, dân quyền của cách mạng Mỹ (1776), tư tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái của cuộc Đại cách mạng Pháp (1789), tiếp thu tư tưởng đạo đức của Thiên chúa giáo, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn... Đó là những tư tưởng về quyền con người, quyền dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái, về quyền sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc của các dân tộc và của con người. Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây là tiền đề tư tưởng quan trọng hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc tư tưởng, lý luận chủ yếu*

Từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản (1920). Đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước chuyển về chất, có giá trị vượt trội hơn tất cả các trào lưu tư tưởng yêu nước đương thời. Từ đây, tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc phạm trù chủ nghĩa Mác - Lênin. Bước chuyển lịch sử theo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người đã phù hợp với xu thế của thời đại và mở ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Bước ngoặt tư tưởng tiến bộ đó phù hợp với xu thế của thời đại mới nên có sức lôi cuốn nhiều người Việt Nam yêu nước tin tưởng, đi theo.

1.2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

Phẩm chất cá nhân Hồ Chí Minh với những đặc điểm nổi trội:

- Hồ Chí Minh là người có những nhận xét, phân tích tinh tường, sáng suốt trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn. Sự tin tưởng, trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam đã khẳng định phẩm chất tư duy độc lập, tự chủ sáng tạo của Người.

- Sự khổ công, ý chí quyết tâm học tập của Người là tấm gương sáng về sự bền bỉ, không ngừng tích lũy tri thức phong phú của nhân loại, học tập kinh nghiệm đấu tranh giải phóng dân tộc để vận dụng vào cuộc sống và làm cách mạng.

- Ý chí cách mạng kiên cường, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng, quyền lợi của dân tộc của Hồ Chí Minh đã đưa Người trở thành cộng sản chân chính, tinh thần yêu nước nhiệt thành, thương yêu nhân dân, thương yêu những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào.

- Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng, mẫu mực về đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Tấm gương mẫu mực về phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách lãnh đạo, phong cách nói đi đôi với làm, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử,...phong cách sinh hoạt đời thường; với đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị, khiêm nhường.

- Cùng với những năng lực trí tuệ vượt trội, những phẩm chất cá nhân cao quý nêu trên là tiền đề, là nguồn gốc, là điều kiện giữ vai trò quyết định nhất để Hồ Chí Minh tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hoá, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, các tư tưởng tiến bộ trên thế giới, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.3. Quá trình hình thành

1.3.1. Thời kỳ niên thiếu đến khi ra nước ngoài (1890 - 1911)

Hồ Chí Minh, khi sinh ra tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1895, Người theo cha vào Huế, học tại trường tiểu học Đông Ba và trường Quốc học Huế với tên gọi là Nguyễn Tất Thành. Cuối năm 1910, Người dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết, sau đó vào Sài Gòn. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến Nhà Rồng, Người lấy tên Văn Ba làm phụ bếp trên chuyến tàu buôn của Pháp ra nước ngoài.

1.3.2. Thời kỳ trải nghiệm cuộc sống và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin (1911 - 1920)

Năm 1911, Người rời quê hương, đi qua nhiều nước và đến sống ở Mỹ (1912-1913), sống ở Anh (1914-1917) và về sống ở Pháp (1917-1923). Thời kỳ này trong tư tưởng của Người đã hình thành tình cảm thương yêu những người lao động nghèo khổ.

Vào cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp, hoạt động trong phong trào những người Việt Nam yêu nước ở Pari, Pháp. Tại Paris, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I.Lênin và tìm thấy ở đây con đường cách mạng vô sản. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo V.I.Lênin, tán thành theo Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

1.3.3. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước, giải phóng dân tộc (1921 -1930)

Năm 1921- 1923 tại Pháp, Người có những hoạt động lý luận và thực tiễn sôi nổi: tham gia trong Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, xuất bản báo Le Paria (Người cùng khổ).

Hè năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, dự các hội nghị do Quốc tế Cộng sản tổ chức. Cuối năm 1924, Người về Quảng Châu, Trung Quốc. Những năm 1925 -1927, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và trực tiếp huấn luyện cán bộ của Hội; xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927). Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi, hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc trên cả phương diện lý luận và thực tiễn; chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến đây tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đã cơ bản hình thành.

1.3.4. Thời kỳ vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam (1930 - 1941)

Người bị bắt và cầm tù trong nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Kông (1931-1932). Sau khi thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh, năm 1934, Người trở lại Liên Xô. Dù gặp một số khó khăn, Người vẫn kiên định lập trường, giữ vững quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng về đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Ngày 28 - 1-1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, Người trở về Pắc Bó, Cao Bằng. Đây là điều kiện thuận lợi để Hồ Chí Minh biến tư tưởng của mình thành sức mạnh quần chúng đưa cách mạng đến thắng lợi.

1.3.5. Thời kỳ phát triển hoàn thiện tư tưởng về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (1941 - 1969)

Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Hội nghị trung ương lần thứ 8 của Đảng. Quan điểm chủ đạo của hội nghị là đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chuẩn bị mọi mặt để giành chính quyền, dẫn đến thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ngày 2/9/1945, Bác đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cơ bản là thống nhất. Thời kỳ 1945 -1954, Người đã đưa đất nước vượt ra khỏi tình trạng ví như “ngàn cân treo sợi tóc” và là linh hồn đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chí Minh bổ sung phát triển hoàn thiện tư tưởng đồng thời tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Hồ Chí Minh qua đời (2-9-1969). Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử, khẳng định sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoạch định cả một chương trình lớn xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh.

2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng (4-2001) khẳng định: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho*

đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁶.

Phù hợp với đối tượng học tập, trong giáo trình này chỉ khái quát ngắn gọn một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Trước ách xâm lược đô hộ của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh khẳng định, “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản*”. Năm 1930, Người đã xác định mục tiêu của Đảng là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

Độc lập dân tộc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”⁷. Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, độc lập gắn bó chặt chẽ với tự do và hạnh phúc của mọi người. Độc lập phải triệt để toàn diện và bền vững. Muốn thế độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là chế độ do nhân dân làm chủ, chế độ có nền kinh tế phát triển cao, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột và bất công, các dân tộc chung sống trong hòa bình.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết, là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội còn chủ nghĩa xã hội là con đường bảo vệ và phát triển thành quả của độc lập dân tộc.

- Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận.

Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do...Sức mạnh thời đại đó là sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội.

2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước Dân chủ Cộng hòa, một nhà

⁶ Đảng CSVN: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb. CTQG, HN. 2001, tr.83,84

⁷Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr.108.

nước đại biểu quyền lợi “cho số đông người”, thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Dân là chủ, nghĩa là mọi quyền hành đều ở nơi dân, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ, Đảng, Chính phủ, cán bộ, đảng viên là đầy tớ và làm đầy tớ cho dân. Dân chủ cần được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó, dân chủ trên lĩnh vực chính trị là quan trọng nhất, được biểu hiện tập trung trong hoạt động của Nhà nước.

Theo Hồ Chí Minh, nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước tất yếu dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước. Cử tri bầu ra các đại biểu, ủy quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh.

Nhà nước do dân là Nhà nước do dân tạo ra, do dân ủng hộ và nhân dân tham gia quản lý. Hồ Chí Minh khẳng định: Việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”.

Nhà nước vì dân là nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu. Tất cả hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra, không có lợi ích nào khác. Một nhà nước vì dân là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường là do dân ủy thác và phải tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, là công bộc, đầy tớ của nhân dân.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm được việc thực thi quyền lực của nhân dân. Người yêu cầu tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp.

2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

Trong đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ nền độc lập, xây dựng xã hội mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò quan trọng, quyết định của nhân dân “*cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải là việc riêng của một số người*”; kháng chiến là sự nghiệp của dân; có dân là có tất cả. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng khối đoàn kết toàn dân, chỉ có đoàn kết toàn dân mới phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp “*Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi*”⁸; “*Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công*”⁹; “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”¹⁰.

Lực lượng đại đoàn kết dân tộc bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt tầng lớp, thành phần dân tộc, tín ngưỡng, chính kiến.... Đoàn kết phải lâu dài, vì mục đích chung là tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ.

Điều kiện để đoàn kết toàn dân tộc là phải có niềm tin vào nhân dân, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung. Đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, phải được thực hiện thông qua Mặt trận dân tộc thống nhất; đoàn kết trong Đảng là hạt nhân để đoàn kết mọi người trong toàn xã hội.

⁸Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.22

⁹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.154

¹⁰Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 607

2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế. Tục ngữ có câu “*Có thực mới vực được đạo*”, vì thế kinh tế phải đi trước một bước. Phát triển kinh tế là tiền đề, là cơ sở cho sự phát triển văn hoá, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải tạo lập trên cơ sở chế công hữu về tư liệu sản xuất. Nền kinh tế đó sẽ còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất, nhưng sản xuất cần gắn với phân phối công bằng hợp lý.

Muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và yếu hèn, phải phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội. Phát triển kinh tế, diệt giặc đói, đồng thời phải diệt giặc dốt, vì “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Muốn thực hiện chiến lược “trồng người”, cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục-đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ; phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Theo Người, “*Trồng người*” là công việc “*trăm năm*”, không thể nóng vội một sớm một chiều và bản thân mỗi người đều phải tu dưỡng, rèn luyện suốt đời.

2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

- Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức có vai trò rất quan trọng. Đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội giống như gốc của cây, nguồn của sông suối. Có đạo đức cách mạng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Đạo đức cách mạng là vũ khí sắc bén trong cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, giúp cho con người luôn giữ được nhân cách, bản lĩnh của mình trong mọi hoàn cảnh. Đạo đức là tiêu chuẩn đánh giá sự tốt đẹp, cao quý của con người. Đạo đức cùng với tài năng của mỗi người đều quan trọng, nhưng đạo đức giữ vai trò là cái gốc của người cách mạng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng có tài mà không có đức là người vô dụng.

- Về chuẩn mực đạo đức cách mạng:

+ *Trung với nước, hiếu với dân*: Đây là tiêu chí nền tảng, quy định hành vi ứng xử của cá nhân với đất nước và cộng đồng. Trung với nước là suốt đời đấu tranh cho cách mạng, ra sức làm việc, giữ vững kỉ luật thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước. Hiếu với dân thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng.

+ *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*: Cần: tức là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch, có tinh thần lao động sáng tạo, giữ kỷ luật, năng suất cao, có trách nhiệm và luôn tự lực cánh sinh; Kiệm: tức là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm sức lao động, thời gian, tiền của dân, của nước, của tập thể, của mình. Tiết kiệm là chi tiêu hợp lý; Liêm:

tức là luôn luôn tôn trọng và bảo vệ của công và của dân, không xâm phạm đồng xu, hạt thóc của nước, của dân trong mọi hoàn cảnh; Chính: tức là thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Chính là cái tâm thẳng thắn đối với người, với việc, không tự cao, tự đại, luôn thật thà, tự kiểm điểm mình; Chí công vô tư là luôn công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, từ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

+ *Yêu thương con người*: Là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất vì người cách mạng có yêu thương nhân dân mới sẵn sàng làm cách mạng. Tình yêu thương đó là một tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da sắc tộc. Yêu thương con người là phải quan tâm, chăm sóc mọi mặt đời sống con người và tạo điều kiện cho con người phát huy hết tài năng, sáng tạo của mình; phải hành động để bảo vệ lương tri, phẩm giá làm người, để con người phát triển toàn diện.

+ *Tinh thần quốc tế trong sáng*: Phẩm chất này bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc. Chủ nghĩa quốc tế đó là sự tôn trọng, hiểu biết, yêu thương và đoàn kết với giai cấp vô sản, với tất cả các dân tộc và nhân dân toàn thế giới, với những người tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

- Về con đường rèn luyện đạo đức, theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không phải là thứ có sẵn, không phải trên trời sa xuống, mà do tu dưỡng, rèn luyện mà nên, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Vì vậy, cần quán triệt các nguyên tắc cơ bản xây dựng đạo đức cách mạng:

Thứ nhất, nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.

Thứ hai, xây đi đôi với chống.

Thứ ba, phải tu dưỡng đạo đức thường xuyên, liên tục, suốt đời vì đây là quá trình rất gian khổ, phải kiên trì, tự giác, tự nguyện, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình.

2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, chăm lo đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - Thế hệ trẻ. Người coi trọng và đánh giá cao vai trò của tuổi trẻ “*Tuổi trẻ là mùa xuân của nhân loại*”; thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các thế hệ đi trước phải hiểu sâu sắc về vai trò quan trọng của giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành người vừa “hồng” vừa “chuyên”. Trong Di chúc, Người dặn, “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”.

Hồ Chí Minh yêu cầu phải chú trọng giáo dục và học tập đủ các mặt đạo đức cách mạng, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Giáo dục thế hệ trẻ trên tất cả các mặt “đức, trí, thể, mỹ” gồm giáo dục lý tưởng cách mạng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, học để làm cho dân giàu, nước mạnh. Giáo dục ý chí, đạo đức cách mạng, trình độ chính trị, học văn, khoa học, kỹ thuật và quân sự; nếp sống văn hóa, thể chất cho tuổi trẻ.

Theo Hồ Chí Minh, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ phải phù hợp với đối tượng, giáo dục là một khoa học.

3. VAI TRÒ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

- Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là *nền tảng tư tưởng* của Đảng ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

- Với vai trò là nền tảng tư tưởng, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận để xác định mục tiêu, phương hướng, giải pháp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị đối với cách mạng Việt Nam mà còn phản ánh khát vọng thời đại là giải phóng dân tộc thuộc địa, là hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc. Tư tưởng và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người là tấm gương sáng cổ vũ các dân tộc trên thế giới tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội.

4. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.1.1. Nội dung cơ bản của tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- *Nội dung đạo đức Hồ Chí Minh*: Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức, thống nhất tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức, nói đi đôi với làm, cụ thể ở các nội dung sau:

Suốt đời vì dân, vì nước “trung với nước, hiếu với dân”.

Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích.

Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân.

Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn.

- Nội dung phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

- Về phong cách tư duy, bao gồm phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hòa, uyển chuyển, có lý có tình.

- Về phong cách diễn đạt, thể hiện qua cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao.

- Về phong cách làm việc, bao gồm phong cách làm việc khoa học; phong cách làm việc có kế hoạch; phong cách làm việc đúng giờ; phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn.

- Về phong cách lãnh đạo, thể hiện qua việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”.

- Về phong cách ứng xử, được thể hiện qua việc khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách.

- Về phong cách sinh hoạt, bao gồm phong cách sống cần kiệm, liêm chính; phong cách sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông-Tây, nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam; tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên.

4.1.2. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Xuất phát từ vai trò to lớn và quan trọng của đạo đức
- Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng người, tiêu biểu nhất cho truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam
- Thực trạng đạo đức hiện nay đòi hỏi “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”
- Thực hiện quan điểm của Đảng, đặc biệt là Chỉ thị 05 của Bộ chính trị về việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.2.1. Nắm vững nội dung cơ bản, hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đó là nắm vững hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là nắm vững nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh như đã nêu ở phần trên.

Nắm nội dung cốt lõi về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân; thương yêu nhân dân, thương yêu con người, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và có tinh thần quốc tế trong sáng.

Học tập phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn; phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỷ lưỡng, cụ thể, tới nơi, tới chốn; phong cách ứng xử văn hoá, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân, vì dân; phong cách nói đi đôi với làm, đi vào lòng người; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương,...v.v.

4.2.2. Tổ chức học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước và nội dung sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức, gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua

yêu nước, với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Gắn đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với việc xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam, xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và mỗi người hàng năm.

Xây dựng, tổng kết và nhân rộng những điển hình tiên tiến về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, kết hợp giữa “xây” với “chống”. Đề cao trách nhiệm nêu gương, tự giác học trước, làm theo trước của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đối với học sinh - sinh viên, cần phấn đấu học tập và rèn luyện theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bồi dưỡng tư tưởng, phẩm chất chính trị; không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc; trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ Đảng, chế độ; bảo vệ nhân dân; bảo vệ nền độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết; phải tôn trọng pháp luật; có ý thức tổ chức và kỷ luật trong học tập, lao động và cuộc sống.

Không ngừng rèn luyện đức tính hiếu với dân, tận tụy với công việc; thật thà, chính trực, cần, kiệm, liêm, chính, biết quý trọng lao động, quý trọng thời gian và tài sản của tập thể, của mọi người, chống lãng phí, xa hoa; có trách nhiệm đối với học tập, công việc và cuộc sống; có tính tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức.

Rèn luyện phong cách, lối sống khiêm tốn, giản dị; chống kiêu căng, tự mãn; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, lười biếng; thói hám danh, hám lợi... Tích cực tham gia những hoạt động có ý nghĩa cho bản thân và có ích cho cộng đồng, xã hội. Cần biết kết hợp học lý thuyết với thực hành, học tập, lao động với tinh thần sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và quân sự; biết học tập và nhân rộng điển hình tiên tiến của cộng đồng trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.*
- 2. Hãy nêu nội dung cơ bản tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.*
- 3. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh.*

Bài 3
NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG
VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu của bài:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- **Kiến Thức:**

Sinh viên hiểu và biết được những nội dung cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam và những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- **Kỹ năng:**

Sinh viên có thể trình bày những nội dung cơ bản đã học, có thể lấy ví dụ minh họa và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Sinh viên có ý thức được trách nhiệm, vai trò của bản thân đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Sinh viên trở nên có thái độ tích cực đối với công việc và học tập của bản thân

Sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và có lòng tự hào dân tộc và biết ơn, quý trọng công cao của các thế hệ đi trước.

1. SỰ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Tình hình thế giới và Việt nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- *Tình hình thế giới*

+ Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tình hình thế giới có những chuyển biến sâu sắc. Chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)

Các đế quốc xâm lược, áp bức bóc lột nhân dân lao động trong nước và các dân tộc thuộc địa, hậu quả chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và sự thống trị tàn bạo của Chủ nghĩa đế quốc đã làm cho đời sống nhân dân lao động ở các nước thuộc địa trở nên cùng cực. Mâu thuẫn vốn có đã trở nên gay gắt hơn: mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau và mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc.

+ Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác, lãnh đạo thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, mở ra xu thế chống đế quốc và giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản ra đời, trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào

cộng sản, công nhân quốc tế, thúc đẩy sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin trên toàn thế giới. Hàng chục Đảng Cộng sản đã ra đời ở nhiều nước trên thế giới¹¹.

+ Ở châu Á, cuộc cách mạng Tân Hợi (1910-1911) ở Trung Quốc, công cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã có tác động đến nhiều nước, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

- *Tình hình Việt Nam*

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn từng bước thất bại và cuối cùng phải ký Hiệp ước Pa-tơ-nôt (6-1884) chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp ở toàn cõi Việt Nam. Từ đó, thực dân Pháp thực hiện chính sách cai trị trên tất cả các lĩnh vực:

+ *Về chính trị*, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị trực tiếp ở Đông Dương với chính sách “chia để trị”, chúng biến triều đình phong kiến nhà Nguyễn và giai cấp địa chủ thành công cụ cai trị và bóc lột nhân dân ta.

+ *Về kinh tế*, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa Đông Dương lần thứ nhất (1897-1914), lần thứ hai (1919-1929), Pháp lập các đồn điền cao su, cà phê, chè...; thực hiện chính sách độc quyền về kinh tế.

+ *Về văn hoá*, thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân, nô dịch.

- Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những chuyển biến sâu sắc:

+ Tính chất xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến.

+ Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam: Mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến và mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

+ Dưới tác động của chính sách cai trị của thực dân Pháp đã khiến cho xã hội Việt Nam đã diễn ra quá trình phân hóa giai cấp sâu sắc, ngoài hai giai cấp cũ (địa chủ và nông dân), xuất hiện thêm các giai cấp và tầng lớp mới (công nhân, tư sản, tiểu tư sản).

- *Các phong trào yêu nước Việt Nam*

- Ở khắp mọi nơi, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đứng lên đấu tranh với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp và xây dựng lại đất nước theo quan điểm lập trường của giai cấp mình như: Ở Nam Kỳ có các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Trương Công Định, Thủ khoa Huân, Nguyễn Trung Trực....

- Phong trào yêu nước theo chiều “Cần Vương” như cuộc khởi nghĩa Hương Khê, Ba Đình, Bãi Sậy, khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913);

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản tiêu biểu như: phong trào Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo; Khuynh hướng cải cách dân chủ do Phan Châu Trinh tổ chức

¹¹ĐCS Mỹ thành lập năm 1919, ĐCS Tây Ban Nha, ĐCS Anh, ĐCS Ấn Độ, ĐCS Pháp thành lập năm 1920, ĐCS Italia, Tiệp Khắc, Trung Quốc, Nam Phi thành lập 1921, ĐCS Chilê, Braxin, Nhật Bản thành lập năm 1922.

(1906-1908); Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào của Việt Nam quốc dân Đảng (1929-1930).

- Ngoài ra còn có các phong trào công nhân Việt Nam đấu tranh tự phát, nổ ra lẻ tẻ, phân tán.

- Nhưng tất cả đều thất bại khiến cho Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, chuẩn bị thành lập Đảng

- Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

- Năm 1917, cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Tất Thành đã hướng theo con đường cách mạng Tháng Mười Nga.

- Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I.Lênin, Người đã tìm thấy con đường cứu nước, con đường cách mạng vô sản và Người bắt đầu tin theo Lenin.

Cuối tháng 12-1920, Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là bước chuyển về chất trong lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

- Tháng 6-1925, Người thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ, trực tiếp giảng bài về chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường cách mạng giải phóng dân tộc.

- Từ năm 1928, *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* chủ trương “Vô sản hoá” để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

- Tháng 3-1929, tại nhà số 5D, phố Hàm Long (Hà Nội), Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam đã thành lập. Ngày 17-6-1929 tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, *Đông Dương Cộng sản Đảng* được thành lập.

- Tháng 8-1929, *An Nam Cộng sản Đảng* ra đời. Đến tháng 9-1929, thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*.

1.2.3. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm (Thái Lan). Nhận biết rõ tình hình ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thành lập nhưng hoạt động riêng, có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ, Người đã chủ động triệu tập đại biểu, dự thảo văn kiện và các điều kiện tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

- Hội nghị diễn ra từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, tại Bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị thông qua *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- **Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng** (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng) chỉ rõ:

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là “*làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”.

Nhiệm vụ của cách mạng:

Về chính trị: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước An Nam được hoàn toàn độc lập, lập ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông.

Nhiệm vụ về kinh tế: Thu tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn như công nghiệp, vận tải, ngân hàng,... của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý. Tịch thu hết ruộng đất của đế quốc Pháp để làm của công và chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.

Nhiệm vụ về văn hoá - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, ...; phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

Lực lượng cách mạng: Công- nông là lực lượng chính, trong đó giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo; đồng thời tranh thủ đoàn kết tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ chưa lộ rõ mặt phản cách mạng thì phải tranh thủ hoặc trung lập họ. Bộ phận nào phản cách mạng thì phải đánh đổ.

Lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục được đa số giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo dân chúng.

Phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền, tổ chức ra quân đội công nông để bảo vệ cách mạng, đập tan sự phản kháng của kẻ thù.

Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên tuy vẫn tắt nhưng nêu đầy đủ những vấn đề chiến lược, giải đáp đúng đắn những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam và phù hợp với xu thế thời đại.

Ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 là tất yếu lịch sử; là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam; nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành trung tâm đoàn kết các giai cấp và toàn dân tộc, mở đường cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng khẳng định công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc, người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

1.2.1. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- Trong vòng 15 năm kể từ khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi nhanh chóng, trong đó sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất có vị trí hàng đầu quyết định thắng lợi.

- Đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng được phát triển từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2-1930), Luận Cương chính trị (10-1930)..., đến Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935) và qua các Hội nghị Trung ương, Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” 12-3-1945.

- Đảng đã kiên trì chuẩn bị chu đáo về lực lượng cách mạng; xây dựng khối đoàn kết liên minh giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác trong Mặt trận dân dân tộc thống nhất.

- Đảng có phương pháp cách mạng đúng đắn, dự báo đúng, bám sát tình hình, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền

- Đảng có công tác tuyên truyền vận động quần chúng linh hoạt, bằng nhiều hình thức phong phú để vận động hàng chục triệu quần chúng nhân dân cả nước tin tưởng vào Đảng quyết tâm đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong vòng 15 ngày, từ ngày 14-8, đến ngày 30-8 Cách mạng tháng Tám đã thắng lợi trên phạm vi cả nước. 14 giờ ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

1.2.2 Vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc chống Pháp xâm lược (1945-1954)

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là tổng hợp của nhiều nguyên nhân, nhưng sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu quyết định thắng lợi.

- Đảng có đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Cốt lõi đường lối kháng chiến của Đảng khẳng định: cuộc kháng chiến của dân tộc ta là chiến tranh nhân dân chính nghĩa; có tính chất toàn dân, toàn diện lâu dài, dựa và sức mình là chính; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình. Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song kháng chiến nhất định thắng lợi.

- Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, động viên quân dân cả nước, phát huy chính nghĩa, tinh thần đoàn kết trong mặt trận Liên Việt vì “Tổ quốc trên hết”.

- Đảng có công tác tổ chức tài giỏi, lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén vừa tổ chức kháng chiến, từng bước phát triển kinh tế, văn hóa kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

- Đảng đã xây dựng được quân đội nhân dân anh hùng, có nghệ thuật quân sự tài giỏi.

1.2.3. Vai trò lãnh đạo Đảng trong cuộc chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

Sau năm 1954, đất nước ta chia làm hai miền. Miền Bắc Việt Nam được giải phóng, thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định

Gionevơ, hắt cảng Pháp, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, với đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) của dân tộc ta đã đi đến thắng lợi.

- Đảng có đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, tổng hợp, dẫn dắt cuộc kháng chiến của toàn dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là đường lối đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền, nhưng tiến hành đồng thời, có quan hệ mật thiết, thúc đẩy lẫn nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn chung giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc.

- Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, đã động viên quân dân cả nước ta tin tưởng vào chính nghĩa vượt qua mọi gian khổ hy sinh, cả nước ra trận; động viên cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam kiên cường chiến đấu chống quân thù; Đảng đã lãnh đạo, động viên đồng bào và chiến sĩ miền Bắc vừa xây dựng, vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn.

- Đảng có quân đội nhân dân anh hùng, có nghệ thuật quân sự tài giỏi; có tấm gương anh dũng chiến đấu của hàng triệu cán bộ, đảng viên và đồng bào cả nước.

- Đảng đã phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; có sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

1.2.4. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và ra sức khôi phục kinh tế:

Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã khẳng định đường lối chung đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nội dung và bước đi công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

Tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam:

Từ 1975-1978 chính quyền Pôn Pốt liên tục xâm phạm và tiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam và gây ra nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam. Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân ta đã đánh trả, tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi (1978-1979) và giúp nhân dân Campuchia bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước.

Tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc:

Ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những hậu quả rất nặng nề.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ, chúng ta đã kiên cường chiến đấu bảo vệ đất nước, buộc Trung Quốc phải rút quân 5-3-1979.

Tuy nhiên trong 10 năm (1975- 1986) do có những chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện khiến đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; nền kinh tế luôn trong tình trạng thiếu hụt, không có tích lũy; lạm phát tăng cao và kéo dài. Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin đối với Đảng, Nhà nước, chế độ giảm sút nghiêm trọng.

1.2.5. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới (1986 - 2021)

Trải qua các kỳ Đại hội Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (1-2021) cùng với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đề ra các đường lối về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Đường lối về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đường lối về bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đường lối xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đường lối xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh...

Những thành tựu trong công cuộc đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

2. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.1.1. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương và có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939- 1945; nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức đấu tranh giành chính quyền từ (14-30/8/1945) đưa đến thắng lợi CM Tháng Tám năm 1945.

- Ngày 2- 9- 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập nên nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Ý nghĩa

- Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật đổ chế độ quân chủ và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do.

- Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

2.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế

- Ngay khi vừa mới ra đời, Đảng thực hiện *cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)* phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ “diệt cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên quân Anh - Ấn lần lượt xâm lược nước ta. Vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

- Khi thực dân Pháp lần tới có dã tâm cướp nước ta một lần nữa, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

- Tiếp theo từ năm 1954 - 1975, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, thực hiện các chiến lược chiến tranh nhằm biến Miền nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới. Cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Trải qua 21 năm, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã đi đến thắng lợi, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 30/4/1975, giải phóng miền Nam, giành lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

Ý nghĩa

- *Thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* đã buộc thực dân Pháp và các nước phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu phương lớn cho cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với quốc tế, thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở ba nước Đông Dương, là tấm gương cổ vũ các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, góp phần làm sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

- *Thắng lợi của cuộc chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*: Với thắng lợi này, miền Nam hoàn toàn được giải phóng, giành lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam; góp phần quan trọng và việc nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với cách mạng thế giới, thắng lợi của cuộc chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; góp phần làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ, tự do và hòa bình phát triển của nhân dân thế giới.

Thắng lợi lịch sử của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi và lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người.

- Thắng lợi của quân và dân Việt Nam trong việc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc là *“là một bảo đảm cực kỳ quan trọng cho nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”*¹² và tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước và góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Qua hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

+ Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

+ Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên

+ Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường.

¹² Đảng CCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb.ST, Hà Nội, 1982, tập I, tr. 28.

- + Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.
- + Các lĩnh vực xã hội, môi trường có nhiều tiến bộ. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể.
- + Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng, đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.
- + Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả.
- + Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, *Cương lĩnh* của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?
2. Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng Việt Nam.
3. Làm rõ vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?
4. Phân tích ý nghĩa một trong những thắng lợi to lớn của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Bài 4

ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- **Về kiến thức:** Sinh viên biết được những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Trình bày được một số phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

- **Về kỹ năng:** Sinh viên bước đầu biết vận dụng những tri thức có được vào phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **Về thái độ:** Sinh viên khẳng định niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, luôn tin và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) do Đại hội lần thứ XI của Đảng (1-2011) thông qua khẳng định: Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Đại hội đã xác định đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là:

*“Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”*¹³. Nội dung cụ thể của 8 đặc trưng nêu trên như sau:

1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Dân giàu là đặc trưng tổng quát về bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa. Dân giàu là mọi người dân đều giàu có về vật chất và tiền bạc theo tổng thu nhập quốc dân; giàu có về trí tuệ sáng tạo, giàu có về văn hóa, tinh thần, giàu có về uy tín và bè bạn. “Dân giàu” đi đôi với công bằng xã hội, tiến tới xã hội mà mọi người đều giàu có, mọi nhà, mọi địa phương đều giàu có, phúc lợi công cộng, phúc lợi xã hội cho mọi người trong xã hội càng đầy đủ.

¹³Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb.CTQG, HN, 2011, tr. 70

Nước mạnh là có đất nước có tiềm lực lớn về kinh tế, phát triển bền vững; mạnh về sự ổn định chế độ chính trị, mạnh về hệ thống chính trị và chế độ xã hội chủ nghĩa; mạnh về văn hóa, tinh thần, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, mạnh về uy tín và vị thế trong quan hệ quốc tế.

Dân chủ là mục tiêu, vừa là động lực và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là xã hội mà dân là chủ và dân làm chủ mọi công việc của đất nước; làm chủ về chính trị, về kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhân dân thực hiện dân chủ bằng nhiều hình thức: dân chủ trực tiếp, dân chủ qua đại diện.

Xã hội công bằng là xã hội mà mọi người dân đều có quyền làm việc, nghỉ ngơi và có những điều kiện bảo đảm để được hưởng thụ các kết quả lao động của mình. Hưởng thụ của mỗi người dựa trên cơ sở cống hiến của họ cho xã hội theo nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động và thành quả phúc lợi chung của xã hội.

Xã hội văn minh là xã hội mà mọi người dân, mọi tổ chức xã hội ứng xử có văn hóa trên mọi lĩnh vực hoạt động. Đó là văn minh về vật chất-kỹ thuật và văn minh tinh thần, văn minh trong quan hệ con người với thiên nhiên, văn minh trong quan hệ giữa người với người, văn minh trong các tổ chức nhà nước, xã hội.

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những mục tiêu không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho nhau. Phấn đấu để Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu chiến lược, lâu dài mà Đảng và nhân dân ta quyết tâm thực hiện.

1.2. Do nhân dân làm chủ

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Dân là chủ và dân làm chủ; cán bộ công chức là “công bộc” của nhân dân, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

Để có một xã hội do nhân dân làm chủ cần xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước và xã hội đều thuộc về nhân dân.

1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

Có lực lượng sản xuất hiện đại chính là nền sản xuất dựa trên hệ thống công nghệ tiên tiến và nguồn nhân lực chất lượng cao, với năng suất, hiệu quả lớn, bảo vệ môi trường sinh thái. Để xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại, cần phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế tri thức gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ thuật, có kỷ luật, có năng suất cao bảo đảm cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp là quan hệ xã hội tốt đẹp giữa con người trong quá trình sản xuất do chế độ xã hội. Đó là xã hội có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, cách thức quản lý dân chủ, có chế độ phân phối ngày càng hoàn thiện phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, với kiến trúc thượng tầng. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện.

1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Văn hóa nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ, cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị truyền thống tốt đẹp, bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình- Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; cần cù, sáng tạo trong lao động; dũng cảm, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.

Bảo vệ bản sắc dân tộc gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán cũ.

1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng là vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người. Xã hội tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn với quyền và lợi ích của dân tộc.

Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ và trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội, gia đình, nhà trường, từng cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao; bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển

Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược cơ bản, lâu dài trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố bền vững có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam dù ở trong nước hay ở nước ngoài bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lấy mục tiêu

đó làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân; tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền và tự do của công dân; giữ vững mối liên hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa Nhà nước và xã hội.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội.

1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

Phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới là yêu cầu khách quan, thể hiện bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, bởi vậy Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; *là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm* trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh.

Xác định những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng nêu trên là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay. Đó là mô hình tổng quát của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Trên cơ sở 7 phương hướng cơ bản phản ánh con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991, tại Đại hội XI, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011) Đảng ta đã xác định 8 phương hướng, phản ánh con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đó là:

2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

Phải kết hợp ngay từ đầu với hiện đại hoá, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hoá. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.

Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu-nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế-xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng-an ninh. Phát triển kinh tế-xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng-an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng-an ninh, quốc phòng-an ninh với

kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế-xã hội và trên từng địa bàn.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng-an ninh.

2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tình thân ái, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao; quan tâm bồi dưỡng lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng.

Tóm lại:

Trong quá trình thực hiện tám phương hướng cơ bản nêu trên phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

Sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các mục tiêu cụ thể:

- *Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước:* Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người ước đạt 4.700-5.000 USD/năm).

- *Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng:* Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (GDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 7.500 USD/năm);

- *Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:* Trở thành nước phát triển, thu nhập cao (đến năm đó, tiêu chí sẽ thay đổi, theo tiêu chí hiện nay, GDP bình quân đầu người phải đạt trên 12.535 USD/năm).

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam do Đảng ta xác định?
2. Làm rõ những phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Bài 5

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- **Kiến Thức:**

Trình bày được quan điểm, chủ trương về phát triển kinh tế, xã hội; quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người của Đảng cộng sản Việt Nam. Hiểu được những giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam.

- **Kỹ năng:**

Sinh viên có thể trình bày những nội dung cơ bản đã học, có thể lấy ví dụ minh họa và có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện tốt các quan điểm chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và con người ở Việt Nam.

Hình thành ở người học niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, ý thức chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các vấn đề kinh tế, xã hội; thúc đẩy người học phát huy sự sáng tạo trong lao động sản xuất đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, góp phần phát triển đất nước.

1. NỘI DUNG CỦA CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

1.1.1 Quan điểm phát triển kinh tế-xã hội

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (2021-2030), được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII thông qua xác định 5 quan điểm phát triển kinh tế-xã hội¹⁴:

Một là: *Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.*

- Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

¹⁴ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, HN, 2021, tr. 98-106

Hai là: Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước.

- Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai.

- Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới.

- Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương.

- Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Ba là: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.

Bốn là: Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế.

- Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài.

- Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại. Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp của người Việt Nam ngày càng vững mạnh và huy động sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao hiệu quả và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại.

Năm là: Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

2.1.2 Mục tiêu của chiến lược

Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có nền công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế;

Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân;

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

1.1.3. Các đột phá chiến lược

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ. Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành.

- Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.

Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước.

Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

1.2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người

1.2.1 Quan điểm phát triển văn hóa, con người

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nêu ra 5 quan điểm phát triển văn hóa, con người:

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Ba là, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

1.2.2 Định hướng lớn phát triển văn hóa, con người

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011) đã xác định các định hướng lớn:¹⁵

Một là, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ.

Làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Hai là, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá Việt Nam.

Ba là, giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.

Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực

¹⁵ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb.CTQG, HN, 2021, tr. 75-79

sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Bốn là, khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

Năm là, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

Sáu là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu-nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.1.1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, ổn định, cụ thể, minh bạch. Phát triển đầy đủ và đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là các thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ.

Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Xây dựng nhanh nền hành chính hiện đại, dựa trên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số, phát triển các mô hình kinh tế mới, khởi nghiệp sáng tạo, cung cấp dịch vụ công, quản lý và bảo vệ môi trường...

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế địa phương và kinh tế vùng trên cơ sở phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, địa phương

2.1.2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế

Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số.

Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, thông tin, sinh học, trí tuệ nhân tạo.

Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến; gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác kinh tế quốc tế.

2.1.3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.4. *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô*

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước.

Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao.

Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Phát triển công nghiệp kết hợp hài hòa cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, viễn thông và công nghệ thông tin, logistics và vận tải, phân phối...

2.1.5. *Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới*

Phát triển kết cấu hạ tầng: Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số để khắc phục cơ bản những điểm nghẽn cho phát triển, tăng cường kết nối với khu vực và thế giới.

Phát triển kinh tế vùng: Xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới. Khai thác tốt hơn các thế mạnh của các vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa chính trị, nguồn nhân lực trong bối cảnh và yêu cầu phát triển mới.

Phát triển kinh tế biển: Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khẩn trương xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia.

Phát triển đô thị: Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

Xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn về nếp sống tới từng thôn, bản, ấp, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn.

2.1.6. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản.

Cải cách tổng thể, hệ thống, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương.

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo.

2.1.7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược.

Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cacbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất.

2.1.8. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia

Củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân, Công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Đẩy mạnh đầu tư và ứng dụng khoa học, công nghệ trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao.

Chủ động đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, phòng ngừa, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng và an ninh xã hội.

Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

2.1.9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

Tiếp tục chủ động, tích cực đẩy mạnh công tác đối ngoại, bảo hộ công dân; tận dụng tối đa các cơ hội từ quá trình hội nhập

Kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ nâng cao khả năng thích ứng năng động và linh hoạt xử lý hài hòa lợi ích quốc gia với quan tâm chung, tùy theo đối tượng, vấn đề, thời điểm, phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử tại khu vực, trên tinh thần lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết.

Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân Việt Nam trong các tranh chấp kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế.

2.1.10. Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển

Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo dựa trên cơ chế cạnh tranh về tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và đề bạt; có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng.

2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

2.2.1 Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân-thiện-mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng và phát huy lối sống “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách

nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học-nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

2.2.2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau.

Xây dựng môi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, “tốt đời, đẹp đạo”. Khuyến khích các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, từ thiện, nhân đạo.

2.2.3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

2.2.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước. Từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam.

Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích nhân dân sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

2.2.5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa.

Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

2.2.6. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày những quan điểm phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và con người ở Việt Nam hiện nay?

2. Phân tích những nội dung phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay?

2. Trình bày những giải pháp phát triển văn hóa, con người ở nước ta hiện nay.

Bài 6

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Nêu được nội dung cụ thể của đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Làm sáng tỏ tính tất yếu khách quan của nhiệm vụ mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quan hệ kinh tế quốc tế.

- Về kỹ năng:

Vận dụng kiến thức đã học để hiểu đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng qua từng thời kỳ, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Giải thích, bình luận các sự kiện trong quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập quan hệ kinh tế quốc tế giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức kinh tế, chính trị trên thế giới.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tin tưởng vào năng lực, khả năng của dân tộc Việt Nam trong quá trình bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ trong hội nhập quốc tế. Chủ động trong việc trang bị cho bản thân năng lực chuyên môn, đặc biệt là ngoại ngữ và kỹ năng mềm để có thể làm việc tốt trong môi trường mang tính hội nhập quốc tế

1. BỐI CẢNH VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ

1.1. Tình hình quốc tế

- Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

- Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

- Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

- Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

- Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường... tiếp tục diễn biến phức tạp.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

1.2. Tình hình Việt Nam

Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định. Những kinh nghiệm và nội lực tích lũy được từ quá trình hội nhập quốc tế thời gian qua sẽ tiếp tục phát huy giá trị, tạo động lực cho chúng ta trên con đường phát triển.

Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra.

- Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; đặc biệt biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

- Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù.

Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta.

Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là yêu cầu cấp thiết, đồng thời là những thách thức rất lớn đối với nước ta trong thời gian tới.

2. QUAN ĐIỂM VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG, AN NINH

2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.1.1. Định hướng lớn về quốc phòng an ninh

Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

2.1.2 Quan điểm về tăng cường quốc phòng an ninh

Một là, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước là tăng cường nhân tố bên trong quyết định sự thành bại của cách mạng. Cần tạo được chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước; ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Hai là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, là quan điểm của Đảng ta, là con đường mà Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chọn, phù hợp với khát vọng của nhân dân ta. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã dẫn đến những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, cần gắn bó chặt chẽ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc với bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ba là, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của đất nước, nhất là vai trò của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả nước, bao gồm sức mạnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và của các lực lượng; kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, nhưng suy cho cùng sức mạnh của nhân dân mới là căn bản nhất.

Bốn là, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước.

Đảng, nhà nước ta chủ động thực hiện ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh; không coi nhẹ vấn đề tự bảo vệ và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”. Trong đó, đối với nội bộ, lấy việc giáo dục, thuyết phục, phòng ngừa là chính đi đôi với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật.

Kiên trì giải quyết các tranh chấp, bất đồng với các nước liên quan bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế; chủ động ngăn ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; khắc phục tình trạng sơ hở, mất cảnh giác.

Phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả các nguy cơ xung đột, chiến tranh biên giới, biển, đảo, chiến tranh mạng; không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nước.

Năm là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

Kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa; thêm bạn, bớt thù, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Tăng cường hợp tác tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước, nhất là các nước lớn, các đối tác chiến lược, các nước láng giềng và các nước trong khu vực; tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc vào các nước lớn.

Sáu là, xây dựng lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng lực lượng vũ trang gồm Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vững mạnh. Việc xây dựng, nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang, trước hết là nâng cao chất lượng về chính trị, bảo đảm cho lực lượng này thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của lực lượng Công an nhân dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, có chất lượng cao.

2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

Nghị quyết Trung ương 8 chỉ rõ 5 mục tiêu cụ thể tăng cường quốc phòng, an ninh:

Một là, tạo được chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước; đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

Hai là, chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận được củng cố; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, tập trung phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, tạo nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cho công nghiệp quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang có chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, đủ sức ứng phó thắng lợi với mọi tình huống.

Bốn là, khắc phục được tình trạng sơ hở, mất cảnh giác; Ngăn ngừa làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; Phòng, chống có hiệu quả các nguy cơ xung đột trên biên giới, biển đảo, chiến tranh mạng; Không để xảy ra bạo loạn khủng bố, hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nước.

Năm là, bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, kiềm chế gia tăng tội phạm, tạo chuyển biến rõ rệt về trật tự an toàn xã hội. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định cho sự phát triển đất nước; nâng cao và tận dụng có hiệu quả vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hiện nay là¹⁶:

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hành động của toàn dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, củng cố quốc phòng, an ninh. Khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh để xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đẩy mạnh đầu tư và ứng dụng khoa học, công nghệ trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao, là bộ phận quan trọng và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, chế tạo được một số loại vũ khí có ý nghĩa chiến lược, từng bước bảo đảm vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời

¹⁶ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. CTQG, HN. 2021.

giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng; tăng cường nguồn lực, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học. Nâng cao chất lượng công tác dự báo tình hình. Kiên quyết giữ vững ổn định chính trị, ổn định kinh tế-xã hội trong mọi tình huống.

Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo.

3. QUAN ĐIỂM VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

3.1.1. Định hướng lớn trong quan hệ đối ngoại

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Trước sau như một ủng hộ các Đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

3.1.2. Quan điểm chỉ đạo hội nhập quốc tế

Tiếp tục chủ động, tích cực đẩy mạnh công tác đối ngoại, bảo hộ công dân; tận dụng

tối đa các cơ hội từ quá trình hội nhập mang lại, nhất là các hiệp định thương mại tự do đã ký kết; chú trọng nâng cao năng lực hội nhập, đặc biệt là cấp vùng và địa phương, giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế.

Kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; nâng cao khả năng thích ứng năng động và linh hoạt xử lý hài hòa lợi ích quốc gia với quan tâm chung, tùy theo đối tượng, vấn đề, thời điểm, phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử tại khu vực, trên tinh thần lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, gắn chặt việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế với tăng cường năng lực thể chế đồng bộ, hiện đại. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng với ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương, thực hiện tốt các trọng trách quốc tế, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc và các khuôn khổ hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương.

Duy trì hòa bình, an ninh, an toàn tự do hàng hải, hàng không ở Biển Đông; giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm.

Thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết. Tranh thủ môi trường quốc tế thuận lợi để nâng cao năng lực hội nhập và mức độ hưởng lợi từ hội nhập, có đóng góp xứng đáng vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường khu vực và thế giới.

Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân Việt Nam trong các tranh chấp kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong thông tin đối ngoại và đấu tranh dư luận.

3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Một là, xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện và thống nhất của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước đối với đối ngoại và hội nhập quốc tế. Quán triệt sâu sắc, toàn diện, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng bằng các chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Hai là, củng cố tin cậy chính trị, mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác quan trọng và các nước bạn bè truyền thống, trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau và phù hợp với luật pháp quốc tế.

Ba là, triển khai mạnh mẽ, hiệu quả, sáng tạo hơn nữa đối ngoại đa phương, chủ động, tích cực phát huy vai trò, đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự kinh tế - chính trị quốc tế; đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, các cơ chế hợp tác liên nghị viện quốc tế và khu vực (như AIPA, IPU), APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công, cũng như trong các vấn đề quốc tế có tầm quan trọng chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện của Việt Nam.

Bốn là, tiếp tục kết hợp chặt chẽ giữa các trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh để tạo thế chân kiềng vững chắc, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước.

Năm là, đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời thúc đẩy và nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, du lịch..., qua đó đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

Sáu là, Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Bảy là, nâng cao hiệu quả, đổi mới nội dung, phương thức của công tác ngoại giao văn hoá, thông tin đối ngoại, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác công tác người Việt Nam ở nước ngoài để tạo sự gắn kết chặt chẽ, phát huy được tối đa các nguồn lực, sức mạnh tổng hợp cho phát triển đất nước.

Tám là, mở rộng, nâng cao hiệu quả và đưa các mối quan hệ đối ngoại Đảng đi vào chiều sâu, tạo nền tảng chính trị cho quan hệ giữa nước ta với các nước; tạo lập sự đồng thuận và hậu thuẫn chính trị của các chính đảng và các lực lượng chính trị đối với sự nghiệp đổi mới.

Chín là, kiện toàn và nâng cao hiệu quả của các cơ chế phối hợp liên ngành trong lĩnh vực đối ngoại. Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm của Đảng về quốc phòng, an ninh?
2. Trình bày những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh?
3. Phân tích quan điểm của Đảng về hội nhập quốc tế?
4. Trình bày những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại?

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Hiểu và nắm vững được bản chất, đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; những phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhằm xây dựng hoàn thiện Nhà nước đó.

- Về kỹ năng:

Giải thích sự cần thiết của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Làm rõ bản chất, trình bày được phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, thái độ tích cực trong đấu tranh nhằm bảo vệ Nhà nước, bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực.

1. BẢN CHẤT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1.1. Khái niệm và bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng về Nhà nước pháp quyền có từ rất sớm ở Hy Lạp. Đến thế kỷ XVIII, các nhà dân chủ tư sản tiếp tục hoàn thiện, nâng lên thành một học thuyết về Nhà nước pháp quyền. Đây là học thuyết tiên bộ, nhân đạo đã trở thành giá trị của nền văn minh nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm tới nhà nước pháp quyền từ sớm. Sau này, với tư cách là người sáng lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tư tưởng của Người về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân đã được thể hiện rõ hơn. Cho đến trước đổi mới, Đảng ta chưa dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, mặc dù trong các Hiến pháp 1946, 1959, 1980 đã thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng pháp luật và tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước.

Trong công cuộc đổi mới, nhận thức của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng rõ hơn. Lần đầu tiên thuật ngữ xây dựng nhà nước pháp quyền được đề cập tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (năm 1991). Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (01-1994), Đảng ta đã dùng khái niệm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự khẳng định và thừa nhận Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. Nó không phải là sản phẩm riêng có của xã hội tư bản chủ nghĩa mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của xã hội loài người, của nền văn minh nhân loại.

Từ đó về sau, các Đại hội VIII, IX, X, XI và XII, XIII, Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và làm rõ thêm các nội dung của nó. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013 (Gọi tắt là Hiến pháp năm 2013) khẳng định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”¹⁷.

Hiện nay việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên còn một số hạn chế về phân định giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Để duy trì và phát huy bản chất tốt đẹp của Nhà nước Việt Nam, để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của nhà nước, thúc đẩy mạnh mẽ cải cách kinh tế-xã hội, xây dựng nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; để tăng cường đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, đảm bảo cho Nhà nước không ngừng vững mạnh, có hiệu lực để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững độc lập, tự chủ và hội nhập vững chắc vào đời sống quốc tế..., tất yếu và cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.1.2. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ: “*Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo*”¹⁸.

Khẳng định trên nói lên bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Một là, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân. Hoạt động của Nhà nước thể hiện quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện ý chí, nguyện vọng và phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân của Nhà nước được quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa và thực hiện trên mọi lĩnh vực, mọi tổ chức, hoạt động của Nhà nước.

Bản chất nhân dân của Nhà nước ta thể hiện tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; thể hiện quyền lực ở nơi dân; chính quyền do nhân dân lập nên và tham gia quản lý. Nhà nước thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân.

¹⁷ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. CTQG. HN. 2013, tr.8

¹⁸ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb. CTQG, HN. 2011, tr.85

Cán bộ, công chức Nhà nước là công công bộc của dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước với nhiều hình thức khác nhau.

Hình thức cơ bản nhất là nhân dân thông qua bầu cử lập ra các cơ quan đại diện quyền lực của mình.

Hai là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đây là cơ sở pháp lý vững chắc để đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc được khẳng định trong thực tiễn; quyền và nghĩa vụ công dân cũng như đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số được đảm bảo, không ngừng được nâng lên.

Tính dân tộc trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước thể hiện qua sự kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam, có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, coi đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ đối ngoại; kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Tính dân tộc vừa là bản chất, vừa là truyền thống, là nguồn gốc sức mạnh của của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tính dân tộc của Nhà nước được tăng cường nhờ kết hợp với tính giai cấp, tính nhân dân.

Ba là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền của công dân, giữ vững mối liên hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa Nhà nước và xã hội

Vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân, mở rộng quyền dân chủ, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, giữa công dân với Nhà nước... được Hiến pháp Nhà nước khẳng định. Điều 14 Hiến pháp 2013 khẳng định “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*”¹⁹.

Quy định trên thể hiện sự phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp..

Với quan niệm đề cao chủ quyền Nhân dân trong Hiến pháp, coi Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, thì quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được xác định ở vị trí trang trọng hàng đầu trong Hiến pháp, thể hiện nhất quán đường lối của Đảng và Nhà nước ta trong việc công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Bốn là, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất dân chủ rộng

¹⁹ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sdd, tr.14

rãi

Dân chủ hoá đời sống xã hội và hoạt động của Nhà nước là đòi hỏi có tính nguyên tắc, nảy sinh từ bản chất dân chủ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa là thu hút những người lao động tham gia một cách bình đẳng và ngày càng rộng rãi vào quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội. Vì vậy, quá trình xây dựng Nhà nước phải là quá trình dân chủ hoá tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời, phải cụ thể hoá tư tưởng dân chủ thành các quyền của công dân, quyền dân sự, chính trị cũng như quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Phát huy được quyền dân chủ của nhân dân ngày càng rộng rãi là nguồn sức mạnh vô hạn của Nhà nước.

Năm là, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 khẳng định:

+ Đảng Cộng sản Việt Nam – Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại diện trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

+ Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật ²⁰.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là tất yếu khách quan để giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân., do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là người lãnh đạo để thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó chính là tính chất giai cấp của nhà nước ta.

Tuy nhiên, Đảng lãnh đạo Nhà nước không có nghĩa là Đảng bao biện, làm thay nhà nước, mà là để phát huy trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo và hiệu lực trong quản lý, điều hành của nhà nước, đảm bảo thực hiện đường lối của Đảng trong thực tiễn. Đảng lãnh đạo nhà nước là lãnh đạo xây dựng nhà nước thực sự là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Đảng phát huy vai trò trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát hoạt động và bảo vệ nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước được thể hiện ở chỗ: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn cho sự phát triển đất nước trong từng thời kỳ; Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách cụ thể và lãnh đạo tổ chức nhân dân thực thi Hiến pháp, Pháp luật và chính sách. Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực và trí tuệ; Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra việc

²⁰ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd, tr.14

quán triệt, tổ chức thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước. Cùng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước làm tham mưu cho Đảng.

1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Dựa trên tư tưởng của các nhà lý luận trên thế giới về nhà nước pháp quyền nói chung; quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng về nhà nước pháp quyền, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng theo năm đặc trưng sau:

Một là, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân.

Đặc trưng này được hiến định ngay trong bản Hiến pháp đầu tiên của chính thể dân chủ cộng hoà ở nước ta - Hiến pháp 1946: “Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” và tiếp tục được khẳng định trong các bản Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013.

Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đồng thời, nhân dân có quyền giám sát, yêu cầu các đại biểu và cơ quan do nhân dân lập ra trả lời những vấn đề của nhân dân đặt ra trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

Hai là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật; tôn trọng, bảo vệ và coi Hiến pháp, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội.

Điều 8 Hiến pháp năm 2013 khẳng định:

1. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền.²¹

Trong Nhà nước đó, ý chí của nhân dân được xác lập một cách tập trung nhất, đầy đủ nhất và cao nhất bằng Hiến pháp. Hiến pháp là Đạo luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất, quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước; là điều kiện quan trọng nhất bảo đảm sự ổn định xã hội và sự an toàn của người dân.

Pháp luật bảo đảm thực hiện trách nhiệm hai chiều giữa Nhà nước và công dân: quyền của công dân là nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân là quyền của Nhà nước.

²¹ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd, tr.11

Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện là cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng việc xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước tại cơ sở. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

Ba là, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước là trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “*Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”²². Quy định này chỉ đạo thiết kế mô hình tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quyền lực Nhà nước là thống nhất vì tất cả quyền lực Nhà nước đều thuộc về nhân dân, biểu hiện tập trung ý chí của nhân dân, bắt nguồn từ nhân dân. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Điều 3 Hiến pháp năm 2013 khẳng định:

Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.²³

Nhà nước thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá giáo dục khoa học, đối nội, đối ngoại. Pháp luật thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Nhà nước pháp quyền đặt ra nhiệm vụ phải có một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cơ sở cho sự tồn tại một trật tự pháp luật và kỷ luật. Pháp luật thể chế hoá các nhu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu và tổ chức xã hội và của các thiết chế Nhà nước. Vì vậy, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là lối sống có trật tự và lành mạnh nhất của xã hội. Tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Năm là, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

²² Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sdd, tr.8

²³ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sdd, tr.8

Chính quyền nhà nước chịu sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên thuộc Mặt trận.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất yếu lịch sử. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo chính trị, quyết định phương hướng chính trị của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước ta thực sự là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, thực sự của dân, do dân và vì dân, để thực hiện thành công công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Nhà nước triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng bằng các hoạt động quản lý nhà nước, tổ chức tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...

2. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Những định hướng lớn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011) đã xác định:*

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

2.1.2 Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định rõ:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất

- Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Một là, Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước.

Hai là, Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

Ba là, Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách.

- Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân.

Bốn là, Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Phát huy đầy đủ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Năm là, Tiếp tục xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân

- Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp;

- Phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Sáu là, về chính quyền địa phương: Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định.

- Cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương, nâng cao tính chủ động, tự chủ của ngân sách địa phương.

- Gắn kết và đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp.

Bảy là, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển.

- Có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với Nhân dân.

Tám là, Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật.

- Cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn tổ chức, tinh giản hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế.
- Tích cực thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày các đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam?*
- 2. Phân tích ý nghĩa khẩu hiệu "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật"?*

Bài 8

PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Về kiến thức:

Hiểu được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Về kỹ năng:

Trình bày và phân tích được những giải pháp phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, trên cơ sở nhận thức được tầm quan trọng của sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc từ đó vận dụng vào trong lao động và thực tiễn cuộc sống của bản thân.

- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đường lối chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay được hình thành trên cơ sở lý luận đó là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Chủ nghĩa Mác-Lênin* khẳng định “quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử”, “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”, sức mạnh của nhân dân là sức mạnh vô địch. Do đó, đại đoàn kết dân tộc là nội dung, là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng.

Cơ sở của đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo từ sự thống nhất về lợi ích căn bản giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh* về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng gồm các nội dung chủ yếu: về vị trí, vai trò, về nội dung, hình thức, nguyên tắc, phương pháp đoàn kết dân tộc.

+ *Về vị trí, vai trò* của đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài, là nguồn sức mạnh vô địch, là động lực chủ yếu, quyết định thành công của cách mạng Việt Nam. Người chỉ ra rằng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”. Theo Người, đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong tất cả các lĩnh vực, từ đường lối, chính sách đến hoạt động thực tiễn.

+ *Về nội dung* đoàn kết dân tộc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là đại đoàn kết toàn dân, là tập hợp được mọi người dân vào một khối; phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân

nghĩa, tinh thần cộng đồng của dân tộc Việt Nam; phải có lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người; thực hiện phương châm “lấy dân làm gốc”.

+ *Về hình thức*, Hồ Chí Minh chỉ rõ, đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở quan niệm, tư tưởng mà phải có tổ chức là Mặt trận dân tộc thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ *Về các nguyên tắc cơ bản* để đoàn kết là phải trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân; phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi, bền vững và đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân đoàn kết toàn bộ xã hội.

+ *Về phương pháp thực hiện* đại đoàn kết: Hồ Chí Minh rất coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng. Nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với tâm lý, nguyện vọng chung nhất và những quyền lợi chủ yếu nhất của quần chúng, của các tầng lớp xã hội.

1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lịch sử vô giá của dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước.

Việt Nam là một quốc gia với 54 thành phần dân tộc, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, gần bốn triệu người Việt Nam ở nước ngoài. Các dân tộc thiểu số cư trú trên địa bàn rộng lớn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng trong tính thống nhất của nền văn hóa Việt Nam.

Trong quá trình cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam, kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành những thắng lợi vô cùng to lớn. Đoàn kết và phát huy sức mạnh toàn dân tộc đã trở thành bài học lớn của Đảng và của cách mạng Việt Nam.

Hiện nay, trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường. Quyền bình đẳng dân tộc đã được phát huy. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước. Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước luôn chủ trương nhất quán, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, chưa thật sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều. Một số tổ chức cơ sở đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của người dân. Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: Chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thật sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến để giải quyết kịp thời, có hiệu quả những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ.

Bên cạnh đó, hiện nay vấn đề dân tộc đang trở thành một vấn đề quốc tế mang tính thời sự sâu sắc. Xung đột dân tộc, mất ổn định an ninh chính trị ở một số nước và khu vực trên thế giới. Các thế lực phản động quốc tế lợi dụng triệt để sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa tộc người, kích động chia rẽ, ly khai, dẫn đến nhiều cuộc xung đột mang màu sắc dân tộc ở một số quốc gia và khu vực trên thế giới.

Lợi dụng cách mạng công nghệ thông tin các thế lực thù địch vẫn tiếp tục dùng “Diễn biến hòa bình”, xuyên tạc lịch sử, tìm cách chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, với lực lượng vũ trang; kích động ly khai, chia rẽ các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân.

Tình hình khu vực và trong nước có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo; đan xen cả thời cơ và thách thức, thuận lợi và khó khăn đối với sự nghiệp đổi mới nói chung và với củng cố đoàn kết toàn dân tộc nói riêng.

Như vậy, dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chúng ta nhận thấy: Củng cố và phát huy đại đoàn kết toàn dân ngày càng trở thành yêu cầu quan trọng, cấp thiết và lâu dài nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011) đã xác định:

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung

của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế-xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích trong xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của nhân dân; không ngừng cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Cụ thể:

Một là, đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Ba là, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội..

Bốn là, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1 Phương hướng phát huy sức mạnh toàn dân tộc

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng (1-2021) đã chỉ ra những phương hướng lớn²⁴:

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.
- Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội.
- Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.
- Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; có những chính sách đặc thù giải quyết khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết dân tộc.

²⁴ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb CTQG, HN, 2021. Tr. 158-166

- Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cản trở sự phát triển của đất nước.

2.2.2 Giải pháp phát huy sức mạnh toàn dân tộc

Một là, đối với giai cấp công nhân

Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân và yêu cầu hội nhập quốc tế; tập trung làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, tập thể công nhân. Định hướng, quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của công nhân tại doanh nghiệp ngoài tổ chức công đoàn hiện nay.

Hai là, đối với giai cấp nông dân

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn, tạo điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị mà không dẫn đến di cư quy mô lớn. Có chính sách hợp lý để chuyển lao động nông thôn sang các ngành phi nông nghiệp. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

Ba là, đối với đội ngũ trí thức

Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thoả đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng. Thực sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức.

Bốn là, đối với đội ngũ doanh nhân

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hoá, đạo đức tiên bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, kinh doanh lành mạnh, cống hiến tài năng. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tôn vinh, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm là, đối với thế hệ trẻ

Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội; xây dựng môi trường, điều kiện học tập, lao động, giải trí, rèn luyện để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hoà cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ. Tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp; làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, phát triển toàn diện và bảo đảm quyền của trẻ em; dành những điều kiện tốt nhất, sự chăm lo chu đáo nhất cho trẻ em - tương lai của đất nước.

Sáu là, đối với phụ nữ

Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em.

Bảy là, đối với cựu chiến binh

Động viên cựu chiến binh, công an hưu trí phát huy bản chất, truyền thống Bộ đội Cụ Hồ và Công an nhân dân Việt Nam cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống. Tăng cường vai trò của hội viên trong giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tám là, đối với người cao tuổi

Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau". Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa.

Chín là, đối với các dân tộc

Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mười là, về tín ngưỡng, tôn giáo

Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mười một là, đối với người Việt Nam ở nước ngoài

Hỗ trợ để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội nước sở tại. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh... Tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Làm tốt công tác thông tin tình hình trong nước, giúp đồng bào hướng về Tổ quốc, nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc, có chính sách thu hút nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mười hai là, đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Làm rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay?*
- 2. Trình bày các quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay?*
- 2. Làm rõ nội dung và ý nghĩa các chính sách của Đảng đối với thanh niên hiện nay?*

Bài 9

TU DƯỞNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- **Về kiến thức:** Trình bày được quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt. Phân tích được nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.
- **Về kỹ năng:** Biết vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình học tập, lao động và hoạt động hàng ngày của bản thân.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

1. QUAN NIỆM VỀ NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân*”. Công dân Việt Nam có những quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

Quyền cơ bản của công dân:

Mọi người có quyền sống, có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp; quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước;

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội và biểu tình;

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất;

Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

Nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.

Công dân có quyền học tập; Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Nghĩa vụ cơ bản của công dân:

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân - thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Mọi người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Công dân có nghĩa vụ học tập

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất

1.2. Người lao động tốt

Người lao động tốt là người công dân tốt có khả năng lao động tốt. Tiêu chí chung nhất của người lao động tốt được thể hiện trong sự rèn luyện, phấn đấu: Đối với chính mình; Đối với mọi người và đối với công việc.

- *Đối với chính mình:* Người lao động tốt là có phẩm chất chính trị vững vàng, trung với nước, hiếu với dân, có tinh thần tự cường dân tộc; có tình thương yêu con người, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có lối sống lành mạnh: Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Ngoài ra, người lao động cần biết rèn luyện thể lực để có đủ điều kiện sức khỏe làm việc tốt theo ngành nghề của mình.

- *Đối với mọi người,* người lao động tốt là người sống có tinh thần tập thể; có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập nhưng biết quan tâm vì lợi ích chung “mình vì mọi người”.

- *Đối với công việc:* Người lao động tốt là người được đào tạo nghề thông qua trường lớp hoặc truyền nghề. Điều căn bản trên thực tế, là người lao động tay nghề thuần thực, có trách nhiệm, có sáng tạo, có kỹ thuật, có trình độ tay nghề ngày càng cao, có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ lao động, phương tiện ngày càng hiện đại, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao làm lợi cho doanh nghiệp, cho bản thân mình và cho xã hội.

Người lao động tốt được đào tạo và sử dụng ngoại ngữ ở mức độ nhất định để phục vụ tốt ngành nghề được đào tạo, có khả năng ứng dụng sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin để thích ứng với tiêu chuẩn vị trí việc làm của các nước khu vực và trên thế giới.

2. NỘI DUNG TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

Người học cần nhận thức rõ đất nước là của dân, do dân, vì dân. Trách nhiệm của người dân trong công cuộc đổi mới là tương lai của dân tộc, hạnh phúc của mỗi gia đình. Bởi vậy, mỗi người học cần phải:

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; xác định quyền hạn, trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ của người công dân.
- Có lòng nhân ái, yêu thương, nhân nghĩa, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.
- Có trách nhiệm xây dựng lối sống lành mạnh và nơi làm việc văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.
- Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu cũng như phê bình chủ nghĩa cá nhân, trục lợi bản thân, tránh xa các tệ nạn xã hội.
- Có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việc tốt nhất, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

2.2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

Những tiêu chí của người lao động có đức, có tài, có kiến thức chuyên môn không thể có ngay mà là quá trình tu dưỡng, rèn luyện mà hình thành. Các tiêu chí đó tập trung vào 3 nội dung chủ yếu sau:

2.2.1. Tu dưỡng và rèn luyện về phẩm chất chính trị

Trước hết là tu dưỡng rèn luyện để bồi đắp tinh thần yêu nước, trung với nước, hiếu với dân; tin tưởng và đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã chọn. Đó là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng.

Qua trải nghiệm thực tiễn học nghề, thực tế sản xuất, tiếp xúc với môi trường xã hội, mỗi người học mới tích lũy hiểu biết về mọi mặt, trở nên vững vàng, kiên định. Bởi vậy cần tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Cùng với rèn luyện bản lĩnh chính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ.

Mỗi người học cần xác định động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn. Học là để có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2.2.2. Tu dưỡng và rèn luyện về đạo đức, lối sống, sức khỏe

Mỗi người học cần biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức công dân; rèn luyện lối sống lành mạnh “*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*”. Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư.

Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì đất nước thì sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

2.2.3. Tu dưỡng, rèn luyện về văn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp

Mỗi học sinh khi đã chọn nghề, cần rèn tình yêu nghề, say mê với nghề mà tích cực học tập toàn diện. Học nghề nào phải phấn đấu để giỏi nghề đó.

Cuộc sống vốn rất phong phú nên mỗi người học phải không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, hiểu biết, tích lũy thêm về lý luận chính trị, các môn khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật, khoa học và công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tin học...

Tích cực chủ động tìm hiểu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, rèn luyện sức khỏe đảm bảo để trở thành lực lượng lao động tiến bộ, rèn luyện tác phong công nghiệp, thích ứng với yêu cầu phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, vì cầu phát triển của bản thân, hạnh phúc gia đình và phồn vinh của đất nước.

2.3.4. Tu dưỡng, rèn luyện về tinh thần trách nhiệm: với công việc, với gia đình, với cơ quan, đơn vị, cộng đồng và toàn xã hội

Nội dung tu dưỡng rèn luyện trong các mối quan hệ xã hội là làm tốt vị trí, vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong các quan hệ xã hội đó.

Với công việc, cần xác định mình là một mắt khâu trong dây chuyền hoạt động làm ra sản phẩm cho xã hội để hoàn thành công việc được giao, đúng yêu cầu chất lượng, thời gian, hiệu quả và tiết kiệm.

Với gia đình cần xác định trách nhiệm của cá nhân trong xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm với vợ (chồng), con cái, cha mẹ, họ hàng nội ngoại... để phấn đấu rèn luyện, giữ gìn.

Với cơ quan đơn vị, xác định rõ mình là một thành viên, có lợi ích chung trong hoạt động của cơ quan đơn vị để tham gia xây dựng cơ quan đơn vị vững mạnh, có văn hóa, thu nhập cao.

Với cộng đồng, cần xác định rõ trách nhiệm tham gia các sinh hoạt chung, góp phần mình vào xây dựng quê hương, nơi cư trú có môi trường tự nhiên và xã hội xanh, sạch, đẹp, văn minh, thân thiện, đoàn kết.

Với toàn xã hội, là rèn luyện trở thành người công dân tốt, có trách nhiệm, tuân thủ tự giác các quy định của pháp luật, thực hiện quyền và trách nhiệm làm chủ của mỗi công dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt?*
- 2. Sinh viên cần phải làm gì và như thế nào để tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt?*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”
2. Ban Tuyên Giáo Trung ương: Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho học viên lớp Đối tượng kết nạp Đảng của. Nxb CTQG. ST. HN, 2016
3. Ban Tuyên Giáo Trung ương: Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho Đảng viên mới của Ban Tuyên Giáo Trung ương Nxb CTQG. ST. HN, 2016.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật
6. Bộ Chính trị (2013): Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế
7. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
8. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp
11. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2020), Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị, chương trình đào tạo Cao đẳng.NXB. LĐTBXH,HN.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Triết học Mác-Lênin
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị học Mác-Lênin
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh
17. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Nxb. CTQG, HN

19. Đảng CSVN (2014), Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương, khóa XI, Nxb CTQG, Hội nghị
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng., Nxb. CTQG, HN
21. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
22. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
23. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
24. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
25. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
26. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
27. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.